

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
THANH TRÀ TỈNH - UBND HUYỆN TRÀ BÔNG



TÀI LIỆU
TẬP HUẤN PHÁP LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG
(Tài liệu phục vụ tập huấn, lưu hành nội bộ)

Quảng Ngãi, tháng 12 năm 2023

MỤC LỤC

CHUYÊN ĐỀ 1.....	3
VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG	3
I. Khái niệm, dấu hiệu đặc trưng, hậu quả của tham nhũng, các hành vi tham nhũng và tội phạm tham nhũng	3
1. Khái niệm tham nhũng:	3
2. Dấu hiệu đặc trưng của tham nhũng:	3
3. Hậu quả của tham nhũng:	3
4. Các hành vi tham nhũng:	3
5. Tội phạm tham nhũng	4
II. Những nội dung cơ bản quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng phải tổ chức thực hiện của các địa phương trên địa bàn tỉnh.....	4
1. Về công tác triển khai tuyên truyền pháp luật về PCTN, TC	5
2. Việc triển khai xây dựng kế hoạch PCTN, TC của cơ quan, đơn vị	5
3. Việc tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, ngừa tham nhũng, tiêu cực trong cơ quan, tổ chức, đơn vị và xử lý vi phạm.....	7
4. Công tác thanh tra, kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị và hoạt động giám sát	14
5. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và Mặt trận, đoàn thể trong phòng, chống tham nhũng.....	16
6. Về thực hiện chế độ báo cáo công tác PCTN, TC.....	18
7. Về đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng hằng năm.	19
CHUYÊN ĐỀ 2.....	20
KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP CỦA NGƯỜI CÓ CHỨC VỤ, QUYỀN HẠN TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ.....	20
I. Việc tổ chức việc kê khai và tiếp nhận, bàn giao bản kê khai, công khai bản kê khai TSTN.....	20
1. Về tổ chức thực hiện	21
2. Thực trạng:.....	21
3. Các nội dung cần thực hiện trong thời gian đến.....	22
4. Các nội dung cần thực hiện trong thời gian đến.....	23
II. Xác định các đối tượng kê khai.....	23
1. Người có nghĩa vụ kê khai.....	23
2. Các diện kê khai tài sản, thu nhập	24
III. Phạm vi kiểm soát tài sản, thu nhập.....	25
III. Hướng dẫn kê khai	26
IV. Xử lý vi phạm quy định về kê khai TSTN.	35
VI. Các trường hợp cụ thể	36



CHUYÊN ĐỀ 1

VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

I. Khái niệm, dấu hiệu đặc trưng, hậu quả của tham nhũng, các hành vi tham nhũng và tội phạm tham nhũng

1. Khái niệm tham nhũng:

Theo khoản 1 Điều 3 Luật PCTN năm 2018 quy định: “Tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi”.

2. Dấu hiệu đặc trưng của tham nhũng:

Tham nhũng có những dấu hiệu đặc trưng cơ bản sau:

- Thứ nhất: Tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn
- Thứ hai: Động cơ của hành vi tham nhũng là cố ý, tức là hành vi lợi dụng chức vụ quyền hạn có được của mình để vụ lợi.
- Thứ ba: Hành vi tham nhũng nhằm mục đích vụ lợi.

Theo quy định tại khoản 7 Điều 3, Luật PCTN năm 2018: Vụ lợi là việc người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn nhằm đạt được lợi ích vật chất hoặc lợi ích phi vật chất không chính đáng.

Như vậy, một hành vi được coi là tham nhũng phải có đầy đủ 3 yếu tố nêu trên. Một người có chức vụ, quyền hạn có hành vi sai phạm nhưng không lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó hoặc hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn nhưng không vụ lợi hoặc không vì động cơ cá nhân khác thì hành vi đó không phải là hành vi tham nhũng.

3. Hậu quả của tham nhũng:

Tham nhũng, tiêu cực tạo ra rào cản rất lớn đối với quá trình đổi mới, phát triển đất nước và làm xói mòn lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, đối với sự nghiệp xây dựng đất nước, tiến lên chủ nghĩa xã hội, đặc biệt, “*Tham nhũng vẫn là một trong những nguy cơ đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ*”¹.

4. Các hành vi tham nhũng:

Các hành vi tham nhũng được quy định tại khoản 1 Điều 2, Luật PCTN 2018 gồm 12 hành vi tham nhũng trong khu vực nhà nước do người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước thực hiện bao gồm:

- (1) Tham ô tài sản.
- (2) Nhận hối lộ.
- (3) Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb CTQGST, Hà Nội, Tập II, tr.213.



(4) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi.

(5) Lạm quyền trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi.

(6) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi.

(7) Giả mạo trong công tác vì vụ lợi.

(8) Đưa hối lộ, môi giới hối lộ để giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc địa phương vì vụ lợi.

(9) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản công vì vụ lợi.

(10) Những nhiều vì vụ lợi².

(11) Không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi.

(12) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để bao che cho người có hành vi vi phạm pháp luật vì vụ lợi; cản trở, can thiệp trái pháp luật vào việc giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án vì vụ lợi.

03 hành vi tham nhũng khu vực ngoài nhà nước do người có chức vụ, quyền hạn trong doanh nghiệp, tổ chức, khu vực ngoài nhà nước³ thực hiện bao gồm: (1) Tham ô tài sản; (2) Nhận hối lộ; (3) Đưa hối lộ, môi giới hối lộ để giải quyết công việc của doanh nghiệp, tổ chức mình vì vụ lợi.

5. Tội phạm tham nhũng

Bộ Luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) quy định 07 tội danh tham nhũng gồm:

(1) Tội tham ô tài sản (Điều 353).

(2) Tội nhận hối lộ (Điều 354).

(3) Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản (Điều 355).

(4) Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ (Điều 356).

(5) Tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ (Điều 357).

(6) Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi (Điều 358).

(7) Tội giả mạo trong công tác (Điều 359).

II. Những nội dung cơ bản quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng phải tổ chức thực hiện của các địa phương trên địa bàn tỉnh.

² Những nhiều là hành vi cửa quyền, hách dịch, đòi hỏi, gây khó khăn, phiền hà của người có chức vụ, quyền hạn trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ (Điều 3 Luật PCTN năm 2018).

³ Doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước là doanh nghiệp, tổ chức không thuộc trường hợp quy định tại khoản 9, Điều 3, Luật PCTN năm 2018.



1. Về công tác triển khai tuyên truyền pháp luật về PCTN, TC

Căn cứ Kế hoạch phòng, tham nhũng hàng năm, Kế hoạch triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được UBND tỉnh phê duyệt, các địa phương đã ban hành kế hoạch triển khai thực hiện bằng nhiều hình thức như: thông qua các cuộc họp, tọa đàm, cuộc thi, hội nghị, phối hợp cơ quan báo chí, truyền thông trên địa bàn tỉnh tích cực tuyên truyền pháp luật về PCTN, TC. Tuy nhiên, thực trạng việc xây dựng kế hoạch chưa cụ thể, tổ chức tuyên truyền chưa bài bản, còn hình thức, nội dung không phong phú, thiếu sinh động; chưa chủ động trong việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật ngay trong nội bộ đơn vị; đội ngũ báo cáo viên kiêm nhiệm nên chưa dành nhiều cho hoạt động, cũng chưa đáp ứng thực tiễn... Để nâng cao chất lượng thực hiện, cần thực hiện các nội dung sau:

- Tập trung chỉ đạo, xây dựng kế hoạch triển khai công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về PCTN, TC; chú trọng đổi mới về nội dung, đa dạng về hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế; tăng cường áp dụng hình thức tuyên truyền qua các phương tiện thông tin đại chúng như báo chí, truyền thanh, truyền hình, trực tuyến, mạng xã hội.

- Tiếp tục nghiên cứu nội dung Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 21/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về triển khai thực hiện Đề án “*Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2019-2021*” để xây dựng kế hoạch thực hiện cho phù hợp với tình hình đơn vị mình.

- Tăng cường công tác phối hợp theo Quy chế đã ký kết giữa UBND và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện trong công tác PCTN, TC.

- Tổ chức tập huấn bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ, kỹ năng tuyên truyền cho đội ngũ tuyên truyền viên pháp luật ở địa phương; phổ biến rộng rãi các loại tài liệu liên quan đến việc tìm hiểu, hỏi đáp về pháp luật PCTN, TC trên cổng thông tin điện tử, từng bước hình thành thói quen chủ động học tập, tự giác tuân thủ, chấp hành pháp luật về PCTN của các bộ, công chức, viên chức và nhân dân.

2. Việc triển khai xây dựng kế hoạch PCTN, TC của cơ quan, đơn vị

Căn cứ Kế hoạch phòng, chống tham nhũng tiêu cực hàng năm của cấp tỉnh và các quy định của pháp luật về PCTN, các địa phương đã xây dựng kế hoạch thực hiện; tuy nhiên thực trạng việc xây dựng kế hoạch, chương trình tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về PCTN của các địa phương mang tính rập khuôn theo kế hoạch của tỉnh, chưa đề ra giải pháp cụ thể phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế và gắn với thực thi chức trách, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị mình nên chưa phát huy hiệu quả; chưa cụ thể thời gian, đơn vị chủ trì tham mưu thủ trưởng đơn vị để làm căn cứ thực hiện; việc xây dựng kế hoạch PCTN năm 2023 một số địa phương còn một số thiếu sót so với kế hoạch của tỉnh và các quy định như:

- Chưa xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương về PCTN chỉ yêu cầu triển khai một cách nói chung, chưa cụ thể hóa các văn bản về PCTN mới do Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh Ủy, Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy về phòng,



chống tham nhũng, tiêu cực, UBND tỉnh đã ban hành, chưa cụ thể hóa nội dung, giải pháp thực hiện, thời gian thực hiện.

- Chưa xác định trọng tâm nội dung kiểm tra, rà soát, tổng kết, đánh giá hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN; đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật; kiểm tra, đôn đốc thực hiện, hướng dẫn khắc phục sơ hở, bất cập về cơ chế, chính sách, pháp luật thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của địa phương, nhất là trong các lĩnh vực đất đai, xây dựng, đấu thầu, đấu giá, mua sắm tài sản công...

- Chưa xác định rõ hình thức triển khai, thời gian thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN.

- Chưa thường xuyên kiểm tra, thanh tra trách nhiệm của người đứng đầu địa phương trong việc thực hiện các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về PCTN, TC.

- Chưa thường xuyên kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch phòng, chống tham nhũng hàng năm, cũng như các chỉ đạo của cấp có thẩm quyền về công tác công tác PCTN, TC. Hiện nay, khâu kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch PCTN chưa thực hiện tốt.

Để nâng cao chất lượng xây dựng, thực hiện kế hoạch hàng năm, trong kế hoạch thể hiện đầy đủ, chi tiết các nội dung sau:

+ Việc lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN: (1) Triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của TW về PCTN; (2) Kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN (3) Xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN (4) Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về PCTN (5) Kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN (6) Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch PCTN.

+ Việc áp dụng các biện pháp phòng ngừa tham nhũng tiêu cực, cụ thể: (1) công khai minh bạch về tổ chức và hoạt động (2) Xây dựng, thực hiện chế độ định mức, tiêu chuẩn, chế độ (3) Thực hiện quy tắc ứng xử, tặng quà, nhận quà, kiểm soát xung đột lợi ích (4) Kiểm soát xung đột lợi ích (5) Xây dựng kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác (6) Cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin và thanh toán không dùng tiền mặt (7) Tổ chức kiểm soát tài sản, thu nhập (8) Việc thực hiện Chỉ thị 10/TTg ngày 22/4/2019 của TTg CP về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc.

+ Công tác chỉ đạo để phát hiện các hành vi tham nhũng và hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN qua công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát; phản ánh, tố cáo; qua điều tra, truy tố, xét xử và xử lý các hành vi tham nhũng và trách nhiệm của người đứng đầu; thu hồi tiền, tài sản tham nhũng (*hành chính và tư pháp*).

+ Việc phối hợp với Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh, cấp huyện và các tổ chức chính trị - xã hội; các cơ quan báo chí, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề; Ban thanh tra nhân dân; Ban giám sát đầu tư cộng đồng và công



dân đề tăng cường hơn nữa trách nhiệm của mình trong thực hiện phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

+ Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch một cách khoa học, giao nhiệm vụ cho các phòng ban, đơn vị trực thuộc tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch một cách cụ thể, tăng cường theo dõi, đôn đốc, giám sát, kiểm tra và xử lý các đơn vị không thực hiện nghiêm túc kế hoạch đã ban hành; đánh giá việc thực hiện kế hoạch PCTN, báo cáo UBND tỉnh đầy đủ các nội dung trên và nội dung kế hoạch đề ra.

3. Việc tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, ngừa tham nhũng, tiêu cực trong cơ quan, tổ chức, đơn vị và xử lý vi phạm.

3.1 Việc công khai minh bạch về tổ chức và hoạt động

a) Theo quy định Luật PCTN 2018 quy định về công khai minh bạch hoạt động của mọi cơ quan, tổ chức đơn vị (chỉ trừ nội dung thuộc bí mật nhà nước), các hình thức công khai⁴, trách nhiệm giải trình và từ chối yêu cầu giải trình⁵, quyền tiếp cận thông tin của công dân⁶; quy định cụ thể nội dung công khai, minh bạch trong một số lĩnh vực mà thực tế cho thấy có xảy ra nhiều tham nhũng, gây thất thoát nhiều đến tiền, tài sản của Nhà nước cũng như có nhiều sự phiến hà sách nhiễu được quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật PCTN năm 2018, cụ thể:

- Việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của cán bộ, công chức, viên chức; người lao động; cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang và công dân.

- Việc bố trí, quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công hoặc kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

- Công tác tổ chức cán bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị; quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn .

- Việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung không thuộc trường hợp quy định trên mà theo quy định của pháp luật phải công khai, minh bạch.

- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác ngoài nội dung công khai, minh bạch quy định trên còn phải công khai, minh bạch về thủ tục hành chính.

Hằng năm UBND các cấp có trách nhiệm báo cáo HĐND cùng cấp về công tác phòng, chống tham nhũng ở địa phương và Báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng phải được công khai trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước hoặc phương tiện thông tin đại chúng (Điều 16); việc xử lý vi phạm được quy định tại Điều 94 Luật PCTN 2018 và Điều 81 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP, sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 134/2021/NĐ-CP.

⁴ Điều 11 có 08 hình thức công khai

⁵ Trách nhiệm giải trình theo Khoản 1 Điều 15 Luật PCTN 2018, điều kiện tiếp nhận yêu cầu giải trình theo Điều 4 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019; từ chối yêu cầu giải trình theo Điều 5 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019; nội dung giải trình và nội dung không thuộc phạm vi giải trình theo Điều 3, Điều 6 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019.

⁶ Điều 14 Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018



b) Thực trạng việc thực hiện công khai, minh bạch của một số địa phương vẫn còn nhiều tồn tại như việc tiếp cận của người dân vẫn còn hạn chế, như lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, mua sắm tài sản công... người dân ít được tiếp cận; quy trình cung cấp thông tin, danh mục thông tin bắt buộc công khai chưa có quy định rõ ràng; nhiều bộ thủ tục hành chính chưa được ban hành; chưa công khai, minh bạch đầy đủ các thủ tục hành chính, hoạt động của cơ quan mình (*trừ những nội dung thuộc bí mật nhà nước*); chưa thực hiện nghiêm túc thực hiện trách nhiệm giải trình ...đến người dân chưa tham gia tốt vai trò giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước; việc công khai minh bạch còn sai sót nhưng chưa phát hiện, xử lý vi phạm kịp thời. Để thực hiện tốt nội dung này trong thời gian đến cần phải:

- Chỉ đạo rà soát, bổ sung ban hành công khai các bộ thủ tục hành chính, quy chế làm việc của các cấp ủy, chính quyền bảo đảm chặt chẽ, công khai, minh bạch, dân chủ trong quản lý, lãnh đạo, điều hành và chấp hành.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các quy định về sự công khai, minh bạch thông tin của các đơn vị hành chính và xử lý các trường hợp vi phạm về sự công khai, minh bạch thông tin của các cơ quan nhà nước, xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu để xảy ra sai sót.

- Để đảm bảo mối quan hệ chặt chẽ giữa bảo vệ bí mật nhà nước với bảo đảm quyền tiếp cận thông tin cần phải xây dựng, xác định phạm vi bí mật nhà nước phù hợp để bảo vệ được các thông tin bí mật và bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân.

- Cần xây dựng các quy định danh mục thông tin bắt buộc phải công khai bao gồm những thông tin trong quá trình quản lý của cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức; trình tự và thủ tục giải quyết công việc, nhất là các công việc liên quan trực tiếp đến người dân để tránh tình trạng những nhiễu, vôi vĩnh gây mất thời gian, tiền của và công sức tổ chức, cá nhân; kết quả giải quyết công việc để tạo cơ sở cho hoạt động giám sát và đánh giá của người dân; thông tin liên quan đến đội ngũ cán bộ, công chức; việc thu chi tài chính, quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan nhà nước. Đồng thời, thiết kế danh mục thông tin theo chuyên mục lĩnh vực để người dân có nhu cầu tiếp cận thông tin dễ tìm thấy thông tin cần thiết; cần phải có hệ thống thông tin, dữ liệu, quy định pháp lý, quy trình thực hiện công khai, minh bạch, giải trình để thực hiện.

3.2. Xây dựng, thực hiện chế độ định mức, tiêu chuẩn, chế độ

a) Theo quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều 18 Luật PCTN năm 2018 thì cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức, đơn vị khác có sử dụng tài chính công trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm, cụ thể:

- Xây dựng, ban hành định mức, tiêu chuẩn, chế độ.

- Công khai quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ.



- Thực hiện và công khai kết quả thực hiện quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ.

Thông thường có hai loại tiêu chuẩn, chế độ định mức bị vi phạm liên quan đến tham nhũng: (1) Chế độ, định mức tiêu chuẩn về lợi ích, nhất là các chế độ với người có chức vụ lãnh đạo, quản lý như chế độ phục vụ, chế độ dùng xe công, tiêu chuẩn dùng điện thoại... (2) Các chế độ, định mức, tiêu chuẩn có tính chất chuyên môn kỹ thuật; việc xử lý vi phạm được quy định tại Điều 94 Luật PCTN 2018 và Điều 82 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP, sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 134/2021/NĐ-CP.

b) Thực trạng, một số địa phương không ban hành kế hoạch thực hiện, chưa rà soát các chế độ, định mức, tiêu chuẩn như chế độ phục vụ, chế độ dùng xe công, tiêu chuẩn dùng điện thoại, máy vi tính, mua sắm trang thiết bị....; sử dụng tài sản chưa hiệu quả, sử dụng kinh phí hoặc loại tài sản vượt mức mà nhà nước quy định; các chế độ, định mức, tiêu chuẩn có tính chất chuyên môn - kỹ thuật chưa được rà soát để kiến nghị sửa đổi bổ sung phù hợp với thực tiễn, nhất là khi thực hiện thẩm định các dự án, công trình đầu tư xây dựng, quy hoạch còn nhiều sai sót, áp dụng định mức, tiêu chuẩn không đúng quy định cho công trình gây lãng phí, thất thoát; còn nhiều nội dung chưa đạt yêu cầu, tồn tại, hạn chế trong lập, chấp hành dự toán, quyết toán NSNN hằng năm; số cuộc thanh tra, kiểm tra, tự kiểm tra các chế độ, định mức, tiêu chuẩn còn ít... Để thực hiện tốt nội dung này trong thời gian đến cần phải:

- Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình ***xây dựng ban hành kế hoạch thực hiện hằng năm***; trong đó chỉ đạo thực hiện rà soát để sửa đổi, ban hành mới theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, ban hành các định mức, tiêu chuẩn, chế độ; công khai quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ; triển khai thực hiện và công khai kết quả thực hiện quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ theo quy định; tiến hành tự kiểm tra để kịp thời phát hiện và chấn chỉnh các hành vi vi phạm.

- Tăng cường kiểm soát việc chấp hành quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ nhằm phát hiện các hành vi vi phạm; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà xử lý, kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật; nếu gây thiệt hại thì phải yêu cầu bồi thường theo quy định của pháp luật.

3.3 Thực hiện quy tắc ứng xử, tặng quà, nhận quà, kiểm soát xung đột lợi ích

3.3.1. Quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

a) Theo quy định tại Điều 20 quy tắc ứng xử của người có chức vụ quyền hạn, gồm:

- Người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ và trong quan hệ xã hội phải thực hiện quy tắc ứng xử, bao gồm các chuẩn mực xử sự là những việc phải làm hoặc không được làm phù hợp



với pháp luật và đặc thù nghề nghiệp nhằm bảo đảm liêm chính, trách nhiệm, đạo đức công vụ.

- Người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị không được làm những việc theo khoản 2 Điều 20.

- Những người giữ vị trí lãnh đạo còn bị hạn chế một số việc khác để tránh việc lợi dụng ảnh hưởng hoặc liên kết thân hữu nhằm tham nhũng theo khoản 3, 4, 5 Điều 20.

b) Thực trạng tại một số địa phương lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện chưa sâu sát, hiệu quả chưa cao; một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức còn bộc lộ sự yếu kém trong giao tiếp, ứng xử với người dân, tổ chức và đồng nghiệp, vẫn còn những hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật gây ảnh hưởng đến uy tín của các sở, ban ngành, địa phương và hình ảnh của cán bộ, công chức, viên chức. Để thực hiện tốt nội dung này trong thời gian đến cần phải:

- Tiếp tục thực hiện nghiêm túc Quy chế văn hóa công sở, Quy chế làm việc, Quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp và những quy định về những việc cán bộ, công chức, viên chức, người lao động không được làm; tổ chức rà soát, chỉnh sửa, bổ sung hoặc thay thế các văn bản, nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị đảm bảo đúng quy định pháp luật và phù hợp tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị.

- Người đứng đầu cơ quan đơn vị phải gương mẫu, liêm khiết, thường xuyên nhắc nhở, chấn chỉnh, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của toàn thể công chức, viên chức và người lao động trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

3.3.2. Về việc tặng quà

a) Theo quy định của của Luật PCTN 2018: Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có chức vụ quyền hạn không được sử dụng tài chính công, tài sản công làm quà tặng, trừ trường hợp tặng quà vì mục đích từ thiện, đối ngoại và trong một số trường hợp cần thiết khác; theo khoản 2 Điều 22 Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 quy định cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có chức vụ quyền hạn không được trực tiếp hoặc gián tiếp nhận quà tặng dưới mọi hình thức của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến công việc do mình giải quyết hoặc thuộc phạm vi quản lý của mình, vi phạm thì bị xử lý theo Điều 28 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP, sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 134/2021/NĐ-CP.

Thực trạng tình hình chung thì việc tặng và nhận quà vẫn còn diễn ra trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ; việc phân định rõ ranh giới giữa quà tặng và tài sản hồi lộ, tách bạch quà tặng thông thường với quà tặng có liên quan đến nhiệm vụ, công vụ của người nhận quà còn khó... Để thực hiện tốt nội dung này trong thời gian đến cần phải:

- Tăng cường thiết lập và thực hiện đồng bộ các giải pháp như tăng cường công tác kiểm tra, giám sát phát hiện vi phạm, công tác giáo dục để nâng cao phẩm chất, đạo đức, tính liêm chính, kỷ luật, sự tự giác, tự kiểm soát cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp.

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, thiết lập hệ thống trực tuyến trong



các hoạt động giao tiếp với công dân, tổ chức, doanh nghiệp, xây dựng nền tư pháp lành mạnh.

3.3.3. Xung đột lợi ích

a) Theo quy định tại Khoản 8, Điều 3 Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 quy định: “*Xung đột lợi ích là tình huống mà trong đó lợi ích của người có chức vụ quyền hạn hoặc người thân thích của họ tác động hoặc sẽ tác động không đúng đến việc thực hiện nhiệm vụ*”; Điều 23, Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 đã có quy định về kiểm soát xung đột lợi ích, bao gồm báo cáo, thông tin và kiểm soát xung đột lợi ích. Luật đã quy định người trực tiếp quản lý, sử dụng người có chức vụ, quyền hạn được áp dụng một trong các biện pháp: *giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao của người có xung đột lợi ích; đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao của người có xung đột lợi ích; tạm thời chuyển người có xung đột lợi ích sang vị trí công tác khác*. Từ Điều 29 đến Điều 35 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP, sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 134/2021/NĐ-CP quy định cụ thể các trường hợp xung đột lợi ích, thông tin, báo cáo và xử lý thông tin, báo cáo, giám sát, tạm đình chỉ, đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao của người có xung đột lợi ích; việc xử lý vi phạm theo Điều 84.

b) Thực trạng có một địa phương chưa tiên hành xử lý xung đột lợi ích khi luân chuyển công chức, viên chức; cử tham gia công chức tham gia các kỳ thi, các đoàn thanh tra, kiểm tra, giám sát ... Để thực hiện tốt nội dung này trong thời gian đến cần phải:

- Rà soát, đánh giá kế hoạch kiểm soát xung đột lợi ích, khi phát hiện có xung đột lợi ích của người có chức vụ, quyền hạn thì phải thông tin, báo cáo cho người trực tiếp quản lý, sử dụng người đó để xem xét, xử lý. Chỉ đạo việc áp dụng các biện pháp khi có căn cứ cho rằng cán bộ, công chức, viên chức khi thực thi nhiệm vụ, công vụ không đảm bảo tính khách quan, đúng đắn, trung thực trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ thì phải thực hiện nghiêm túc các biện pháp nhằm kiểm soát xung đột lợi ích theo khoản 3 Điều 23 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

- Rà soát, hoàn thiện các quy định về cán bộ, công chức, viên chức trên cơ sở các quy định của pháp luật theo hướng làm rõ và xác định dấu hiệu nhận diện tình huống xung đột lợi ích; làm rõ đầu mối theo dõi, giám sát, hướng dẫn thực hiện pháp luật về xung đột lợi ích tại mỗi cơ quan, tổ chức, đơn vị, làm rõ trách nhiệm trong việc để làm phát sinh các tình huống xung đột lợi ích (nhất là của người đứng đầu) được quy định tại Mục 3 Điều 29 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, thanh tra hoạt động công vụ theo hướng ngăn chặn, phát hiện kịp thời các tình huống xung đột lợi ích trong hoạt động công vụ và các vụ việc giải quyết tình huống xung đột lợi ích không đúng quy định pháp luật. Xử lý kiên quyết, mạnh mẽ và dứt điểm các vụ việc có vi phạm trong việc xử lý các tình huống xung đột lợi ích, trách nhiệm trong việc để làm phát sinh các tình huống xung đột lợi ích trong hoạt động thực hiện nhiệm vụ, công vụ.



Ví dụ 1: Cơ quan Thanh tra X cử ông A làm thành viên của Đoàn Thanh tra việc chấp hành pháp luật đối với đơn vị B, và vợ của ông A đang làm việc tại đơn vị B. Lúc này yêu cầu cơ quan Thanh tra X phải có trách nhiệm kiểm soát xung đột lợi ích bằng cách không cử ông A làm thành viên của Đoàn Thanh tra.

Ví dụ 2: người thân của ông Phạm Văn M (ông M là công chức công tác tại Sở Y tế, phụ trách lĩnh vực cấp chứng chỉ hành nghề khám, chữa bệnh) có đơn xin cấp chứng chỉ hành nghề khám, chữa bệnh gửi đến Sở Y tế nơi ông M đang công tác; trong trường hợp này ông M có trách nhiệm báo cáo với người trực tiếp quản lý để ngăn chặn tình trạng xảy ra xung đột lợi ích hoặc người có thẩm quyền tại Sở Y tế trên phát hiện ra trường hợp trên thì cử công chức khác phụ trách xử lý hồ sơ xin cấp chứng chỉ hành nghề khám, chữa bệnh của người thân ông Phạm Văn M.

3.4. Chuyển đổi vị trí công tác

a) Theo quy định tại Điều 24 Luật Phòng, chống tham nhũng 2018, quy định về các nguyên tắc chuyển đổi, kế hoạch chuyển đổi, vị trí công tác định kỳ chuyển đổi như sau:

Nguyên tắc 1: Cơ quan, tổ chức, đơn vị theo thẩm quyền có trách nhiệm định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức (không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý) và viên chức trong cơ quan, tổ chức, đơn vị nhằm phòng ngừa tham nhũng. Việc luân chuyển cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thực hiện theo quy định về luân chuyển cán bộ.

Nguyên tắc 2: Việc chuyển đổi vị trí công tác phải đảm bảo khách quan, hợp lý, phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ và không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, đơn vị

Nguyên tắc 3: Việc chuyển đổi vị trí công tác phải được thực hiện theo kế hoạch và được công khai trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

Nguyên tắc 4: Không lợi dụng việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức vì vụ lợi hoặc để trừ dập cán bộ, công chức, viên chức.

Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định cụ thể Danh mục vị trí công tác phải định kỳ chuyển đổi đối với các lĩnh vực (Điều 36), gồm: Quản lý ngân sách, tài sản trong cơ quan, đơn vị; trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc⁷; việc xử lý vi phạm (Điều 94). Hiện nay, có 14/18 cơ quan cấp bộ ban hành quy định chi tiết danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của các Bộ tại chính quyền địa phương.

Ví dụ: người làm công tác kế toán tại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND

⁷ Tổ chức cán bộ, Tài chính, ngân hàng, Công thương, Xây dựng, Giao thông, Y tế, Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Đầu tư và Ngoại giao, Tư pháp, Lao động - Thương binh và Xã hội, Khoa học và Công nghệ, Giáo dục và Đào tạo, Quốc phòng, Công an, Thanh tra và phòng, chống tham nhũng



cấp tỉnh (hoặc cấp huyện) và mỗi cơ quan, đơn vị chỉ có 01 người làm công tác kế toán, như vậy không thể thực hiện chuyển đổi vị trí công tác trong cùng một đơn vị, lúc này định kỳ Sở Nội vụ (hoặc phòng Nội vụ) tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh (CT UBND huyện) kế hoạch chuyển đổi vị trí người làm công tác kế toán tại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (hoặc cấp huyện) với nhau.

b) Thực trạng một số địa phương thực hiện chuyển đổi vị trí công tác vẫn còn mang tính đối phó, chưa có kế hoạch thực hiện thường xuyên hoặc kế hoạch được xây dựng không mang tính khả thi hoặc dựa trên những nhu cầu thực tế, không đúng với quy định pháp luật, nhận thức về ý nghĩa cũng như phương pháp, cách làm còn thiếu nhất quán khiến cho công tác chuyển đổi vị trí công tác thiếu hiệu quả, không đạt được đúng mục đích về phòng, chống tham nhũng; số lượng công chức được chuyển đổi vị trí công tác trên thực tế thường không đạt được so với kế hoạch đề ra hàng năm; việc thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đến nay đã khiến không ít công chức gặp nhiều khó khăn trong công việc, có những trường hợp khó có thể chuyển đổi vị trí công tác, nguyên nhân là do chông chéo giữa quy định pháp luật về chuyển đổi vị trí công tác với quy định pháp luật khác, đặc biệt, nhiều vị trí công tác đòi hỏi về chuyên môn khác so với những vị trí khác nên rất khó có thể bảo đảm hoạt động chuyển đổi vị trí công tác được triển khai đồng bộ. Để thực hiện tốt nội dung này trong thời gian đến cần phải:

- Định kỳ hàng năm, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải ban hành và công khai kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác đối với người có chức vụ, quyền hạn theo thẩm quyền quản lý cán bộ tại một số vị trí liên quan đến công tác tổ chức cán bộ, quản lý tài chính công, tài sản công, đầu tư công, trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân; chuyển đổi vị trí công tác là từ đủ 02 năm đến 05 năm theo đặc thù của từng ngành, lĩnh vực; báo cáo kết quả thực hiện.

- Định kỳ hàng năm, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải ban hành và công khai kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác đối với người có chức vụ quyền hạn, theo thẩm quyền quản lý cán bộ. Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác phải nêu rõ mục đích, yêu cầu, trường hợp cụ thể phải chuyển đổi vị trí công tác, thời gian thực hiện chuyển đổi, quyền, nghĩa vụ của người phải chuyển đổi vị trí công tác và biện pháp tổ chức thực hiện.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chuyển đổi vị trí công tác tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị để đánh giá kết quả thực tế việc chuyển đổi vị trí công tác và việc thực hiện không bị lợi dụng.

3.5. Cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin và thanh toán không dùng tiền mặt

a) Theo quy định tại Điều 27 Luật PCTN 2018 việc cách hành chính nhằm phòng ngừa tham nhũng, gồm:

+ Công khai, hướng dẫn thủ tục hành chính, đơn giản hoá và cắt giảm thủ tục trực tiếp tiếp xúc với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khi giải quyết công việc.



+ Tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện nhiệm vụ, công vụ, việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công.

+ Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; quy định về vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác về cải cách hành chính.

- Ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý quy định tại Điều 28; Thanh toán không dùng tiền mặt quy định tại Điều 29: Theo Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 còn đưa ra một số giải pháp về thanh toán không dùng tiền mặt, yêu cầu bắt buộc thanh toán không dùng tiền mặt với một số khoản thu, chi sau:

+ Các khoản thu, chi có giá trị lớn tại địa bàn đáp ứng điều kiện về cơ sở hạ tầng để thực hiện việc thanh toán không dùng tiền mặt;

+ Các khoản chi lương, thưởng và chi khác có tính chất thường xuyên.

b) Thực trạng, chỉ số cải cách hành chính của tỉnh (PAR INDEX) xếp thứ 27; chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) xếp thứ 23; chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) xếp thứ 49; chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) xếp thứ 33, kết quả xếp hạng chuyển đổi số (DTI) năm 2022 xếp thứ 26. Để thực hiện tốt nội dung này trong thời gian đến cần phải:

- Tăng cường cải cách thủ tục hành chính theo hướng đơn giản, công khai, minh bạch trong giao dịch, giao tiếp ở các lĩnh vực dễ xảy ra tiêu cực, tham nhũng, nhất là trong các lĩnh vực đầu tư, đất đai, xây dựng.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ CCHC của các sở, ngành, địa phương; kiểm tra đột xuất việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính trong đội ngũ cán bộ, công chức, nhằm hướng dẫn, đôn đốc, nhắc nhở, phát hiện, kiến nghị xử lý, chấn chỉnh các hành vi vi phạm trong quá trình thực thi công vụ.

- Tăng cường thông tin, tuyên truyền về ý nghĩa, kết quả các chỉ số PAR INDEX, SIPAS, PAPI, PCI tới đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người dân để nâng cao nhận thức tinh thần trách nhiệm và sự đồng thuận xã hội đối với công tác CCHC.

- Thực hiện việc thanh toán không dùng tiền mặt đối với các khoản thu, chi có giá trị lớn tại địa bàn đáp ứng điều kiện về cơ sở hạ tầng để thực hiện việc thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định của Chính phủ; các khoản chi lương, thưởng và chi khác có tính chất thường xuyên.

4. Công tác thanh tra, kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị và hoạt động giám sát

a) Theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 việc phát hiện tham nhũng thông qua các hoạt động:

(1) Phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động thanh tra (Điều 60, Điều 62): Thông qua hoạt động thanh tra có trách nhiệm chủ động phát hiện hành vi



tham nhũng, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình. Trong quá trình thanh tra nếu phát hiện vụ việc có dấu hiệu tham nhũng thì người ra quyết định thanh tra, người ra quyết định thanh tra phải chỉ đạo xác minh, làm rõ vụ việc tham nhũng và xử lý như sau:

- Trường hợp vụ việc có dấu hiệu tội phạm thì chuyển ngay hồ sơ vụ việc và kiến nghị Cơ quan điều tra xem xét, khởi tố vụ án hình sự, đồng thời thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát nhân dân cung cấp. Trong trường hợp này, Cơ quan thanh tra tiếp tục tiến hành hoạt động thanh tra về các nội dung khác theo kế hoạch tiến hành thanh tra đã phê duyệt và ban hành Kết luận thanh tra theo quy định của pháp luật về thanh tra.

- Trường hợp vụ việc không có dấu hiệu tội phạm thì kiến nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền xử lý người có hành vi vi phạm. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền xử lý phải thông báo bằng văn bản về kết quả xử lý cho Cơ quan thanh tra đã kiến nghị.

(2) Phát hiện tham nhũng thông qua công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, đơn vị

- Theo quy định tại Điều 55 Luật PCTN năm 2018 Người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của mình nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý tham nhũng; Điều 56 Luật PCTN năm 2018 có quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc tự kiểm tra nội bộ cơ quan, tổ chức mình, kiểm tra việc thi hành nhiệm vụ, công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức do mình quản lý để phát hiện tham nhũng

- Về hình thức kiểm tra: Tại Điều 58 Luật quy định, công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị được thực hiện theo các hình thức sau:

+ Kiểm tra thường xuyên được tiến hành theo chương trình, kế hoạch và tập trung vào lĩnh vực, hoạt động dễ phát sinh tham nhũng.

+ Kiểm tra đột xuất được tiến hành khi phát hiện có dấu hiệu tham nhũng.

(3) Phản ánh, tố cáo của công dân và xử lý phản ánh, giải quyết tố cáo về hành vi tham nhũng

Việc tiếp nhận, giải quyết tố cáo về hành vi tham nhũng được thực hiện theo quy định trong Luật Tiếp công dân, Luật Tố cáo và các văn bản hướng dẫn thi hành. Ngoài ra, Luật PCTN năm 2018 đã đưa nội dung bảo vệ người phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng theo quy định của pháp luật về tố cáo như vậy nhằm khuyến các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin liên quan đến tham nhũng.

(4) Phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử (Điều 59): Thông qua hoạt động giám sát nếu phát hiện vụ việc có dấu hiệu tham nhũng thì đề nghị Cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước, Cơ quan điều tra, Viện



kiểm sát nhân dân xử lý theo quy định của pháp luật, Khi nhận được đề nghị trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, phải xác minh, xử lý và thông báo kết quả cho cơ quan, đại biểu đã đề nghị.

b) Thực trạng: Qua công tác thanh tra, kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị và hoạt động giám sát đã phát hiện nhiều sai phạm về kinh tế, tuy nhiên phát hiện các hành vi tham nhũng (*12 hành vi tham nhũng theo Điều 2 của Luật PCTN 2018*) và các vi phạm pháp luật khác⁸ về phòng, chống tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị không nhiều, một phần do năng lực phát hiện còn hạn chế, việc thu thập thông tin, nắm tình hình, địa bàn ở các lĩnh vực dễ xảy ra tham nhũng, sai phạm chưa tốt; việc phối hợp giữa các cấp, ngành, địa phương, cơ quan điều tra về cung cấp nội dung tin báo tội phạm, tin tố giác, đơn phản ánh, đơn tố cáo liên quan đến tham nhũng chưa kịp thời để phục vụ cho công tác phát hiện tham nhũng và các vi phạm khác. Để thực hiện tốt nội dung này trong thời gian đến cần phải:

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, tổ chức Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong Cơ quan thanh tra trong quá trình thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn phản ánh, tố cáo, quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người có chức vụ, quyền hạn khác; xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, Cơ quan thanh tra trong công tác phòng, chống tham nhũng, chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm tra nội bộ nhằm ngăn chặn hành vi lạm quyền, nhũng nhiễu, phát hiện, đấu tranh, xử lý nghiêm minh, kịp thời đối với những hành vi vi phạm về phòng, chống tham nhũng.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các Cơ quan thanh tra, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cơ quan, đơn vị trong việc nắm tình hình, trao đổi thông tin, hồ sơ, tài liệu, chứng cứ liên quan đến dấu hiệu tham nhũng của các tổ chức, cá nhân để tiến hành xác minh, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử; xử lý tài sản tham nhũng, xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường, bồi hoàn theo quy định của pháp luật.

5. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và Mặt trận, đoàn thể trong phòng, chống tham nhũng

a) Theo quy định Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phòng, chống tham nhũng có trách nhiệm sau đây (Điều 70):

+ Thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng; kịp thời phát hiện, xử lý theo thẩm quyền và kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tham

⁸ Vi phạm quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị, Vi phạm quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ; Vi phạm quy định về quy tắc ứng xử; Vi phạm quy định về xung đột lợi ích; hành vi vi phạm quy định về chuyên đổi vị trí công tác của người có chức vụ quyền hạn; vi phạm quy định về nghĩa vụ báo cáo về hành vi tham nhũng và xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng; vi phạm quy định về nghĩa vụ trung thực trong kê khai tài sản, thu nhập, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm; vi phạm quy định về thời hạn kê khai tài sản, thu nhập hoặc vi phạm quy định khác về kiểm soát tài sản, thu nhập



những trong cơ quan, tổ chức, đơn vị mình; thực hiện quy định khác của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người phản ánh, báo cáo, tố cáo, tố giác, báo tin, cung cấp thông tin về hành vi tham nhũng; tiếp nhận, xử lý kịp thời phản ánh, báo cáo, tố cáo, tố giác, tin báo về hành vi tham nhũng; kịp thời cung cấp thông tin và thực hiện yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền trong quá trình phát hiện, xử lý tham nhũng.

+ gương mẫu, liêm khiết; chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, quy tắc đạo đức kinh doanh

+ Chịu trách nhiệm khi để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách.

- Người đứng đầu Cơ quan thanh tra phải tăng cường quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người có chức vụ, quyền hạn khác; chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ nhằm ngăn chặn hành vi lạm quyền, nhũng nhiễu và các hành vi khác vi phạm pháp luật trong hoạt động chống tham nhũng (khoản 1 Điều 57).

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm áp dụng biện pháp tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển sang vị trí công tác khác (Điều 71).

- Việc xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách theo quy định Điều 73 thì chịu trách nhiệm trực tiếp khi để xảy ra tham nhũng của người do mình trực tiếp quản lý, giao nhiệm vụ; chịu trách nhiệm liên đới cấp phó của người đứng đầu giao trực tiếp phụ trách; tuy theo trường hợp sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, được xem xét loại trừ, miễn, giảm⁹ hoặc bị tăng trách nhiệm pháp lý¹⁰.

Ngoài ra, người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu trong tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức xã hội để xảy ra tham nhũng trong tổ chức mình ngoài việc bị xử lý theo quy định của Điều 73 còn bị xử lý theo điều lệ, quy chế, quy định của tổ chức đó.

b) Thực trạng: Người đứng đầu một số cơ quan, tổ chức, đơn vị và Mặt trận, đoàn thể chưa chú trọng trong công tác ngăn ngừa, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; có trường hợp công chức, viên chức kết án về tội phạm tham nhũng nhưng chưa xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu. Để thực hiện tốt nội dung này trong thời gian đến cần phải:

⁹ (1) Được xem xét loại trừ trách nhiệm trong trường hợp không thể biết hoặc đã áp dụng các biện pháp cần thiết để phòng ngừa, ngăn chặn hành vi tham nhũng; (2) Được xem xét miễn hoặc giảm trách nhiệm trong trường hợp đã áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn chặn, khắc phục hậu quả của hành vi tham nhũng hoặc đã chủ động, kịp thời phát hiện, báo cáo và xử lý tham nhũng theo quy định của pháp luật (3) Được xem xét miễn hoặc giảm hình thức kỷ luật nếu chủ động xin từ chức trước khi cơ quan có thẩm quyền phát hiện, xử lý, trừ trường hợp bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

¹⁰ Bị xem xét tăng trách nhiệm trong trường hợp phát hiện hành vi tham nhũng mà không áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn chặn, khắc phục hậu quả của hành vi tham nhũng hoặc không kịp thời báo cáo, xử lý tham nhũng theo quy định của pháp luật.



- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; người đứng đầu phải thật sự gương mẫu, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; phải thật sự coi công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực là một nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên và tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện; gắn việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) "Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay".

- Trong các cuộc họp thường kỳ của cơ quan thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở, ngăn ngừa và phát hiện công chức, viên chức vi phạm; thực hiện việc công khai, minh bạch hoạt động của các cơ quan, đơn vị, nhất là trong những lĩnh vực dễ xảy ra tiêu cực, tham nhũng, lãng phí.

6. Về thực hiện chế độ báo cáo công tác PCTN, TC

a) Theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-TTCTP ngày 22/3/2021 việc báo cáo thực hiện, cụ thể:

- Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá về công tác phòng, chống tham nhũng trong kỳ báo cáo, phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu triển khai trong kỳ báo cáo tiếp theo. Nội dung báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng được thực hiện theo Mẫu số 03 và các biểu số liệu: 01/PCTN, 02/PCTN, 03/PCTN ban hành kèm theo Thông tư này.

- Thời gian chốt số liệu.

+ Đối với báo cáo định kỳ: Báo cáo hằng Quý: (1) Báo cáo Quý I: Từ ngày 15 của tháng 12 năm trước đến ngày 14 tháng 3 của năm báo cáo; (2) Báo cáo Quý II, Quý III, Quý IV: Từ ngày 15 của tháng cuối quý trước đến ngày 14 của tháng cuối quý báo cáo (3) Báo cáo 6 tháng: Từ ngày 15 của tháng 12 năm trước đến ngày 14 tháng 6 của năm báo cáo (4) Báo cáo 9 tháng: Từ ngày 15 của tháng 12 năm trước đến ngày 14 tháng 9 của năm báo cáo (5) Báo cáo hằng năm: Từ ngày 15 tháng 12 năm trước đến ngày 14 tháng 12 của năm báo cáo.

+ Báo cáo chuyên đề, đột xuất: Thời gian chốt số liệu theo yêu cầu bằng văn bản của Thanh tra Chính phủ.

- UBND cấp huyện, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh và tổ chức, cá nhân có liên quan trong phạm vi địa bàn quản lý của cấp tỉnh gửi Báo cáo UBND tỉnh chậm nhất vào ngày **18** của tháng cuối thuộc kỳ báo cáo.

b) Tuy nhiên thực trạng, việc báo cáo còn một số thiếu sót: (1) Việc báo cáo đối với tiêu chí công tác thanh tra về thực hiện định mức, tiêu chuẩn, phát hiện sai sót và kiến nghị xử lý chưa cụ thể về cuộc thanh tra/số đơn vị được thanh tra, số sai sót và hình thức xử lý và chưa được cập nhật vào phần mềm cơ sở dữ liệu của Thanh tra Chính phủ (2) Việc báo cáo đối với tiêu chí kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn chưa đầy đủ về số cuộc cơ quan được kiểm tra, số người vi phạm (3) Việc chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn chưa chính xác số người so với kế hoạch chuyển đổi



vị trí công tác để phòng ngừa tham nhũng của đơn vị. Để thực hiện tốt nội dung này trong thời gian đến cần phải:

- Trong công tác thanh tra về việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn; phát hiện sai sót và kiên nghị xử lý; khai thác số liệu về xử lý đối với sai sót về việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn tại các kết luận thanh tra và cập nhật đầy đủ vào tiêu chí số 16 “*Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)*” của biểu số 01/PCTN và nhập liệu phần mềm cơ sở dữ liệu của Thanh tra Chính phủ cho chính xác, kịp thời.

- Cập nhật đúng số liệu về chuyển đổi vị trí công tác; tiêu chí kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn đầy đủ về số cuộc cơ quan được kiểm tra, số người vi phạm.

- Báo cáo và cập nhật vào phần mềm cơ sở dữ liệu đúng hạn để Thanh tra tỉnh tổng hợp kịp thời trình UBND tỉnh báo cáo Thanh tra Chính phủ.

7. Về đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng hằng năm.

a) Theo kết quả đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh cho năm 2021 (*đánh giá cho năm 2022 chưa công bố*), Thanh tra Chính phủ đánh giá tỉnh Quảng Ngãi đạt 63.41/100 điểm, tăng 1.36 điểm so với năm 2020, tuy nhiên thực trạng nhiều chỉ số chưa đạt:

- **Nhóm 1:** Việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện trong việc xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN như: *Công tác xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật về PCTN (đạt 3.97/4 điểm); Kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN (đạt 3.91/4 điểm); Kiểm tra, theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN (đạt 1.97/2 điểm).*

- **Nhóm 2:** Các biện pháp phòng ngừa tham nhũng như: Việc kiểm soát xung đột lợi ích đạt thấp (0.51/4 điểm); các biện pháp phòng ngừa đối với các doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước đạt thấp (1.36/5 điểm)

- **Nhóm 3:** Các biện pháp để phát hiện và xử lý tham nhũng, thu hồi tài sản tham nhũng cho thấy: Công tác phát hiện tham nhũng trong điều tra, truy tố, xét xử (*đạt 3.67/4 điểm*); công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát (*0.03/4 điểm*) và phản ánh, tố cáo (*0.02/4 điểm*) đạt thấp; việc xử lý hành chính đối với tổ chức, cá nhân vi phạm không đạt điểm (*0/2.5 điểm*); việc xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đạt điểm thấp (*2.5/7.5 điểm*); kết quả xử lý các hành vi khác¹¹ vi phạm pháp luật về PCTN không nhiều (*1/7 điểm*).

- **Nhóm 4:** Các biện pháp thu hồi tài sản tham nhũng (*5.25/10 điểm*); việc thu hồi bằng biện pháp hành chính (*4.5 điểm/5 điểm*); thu hồi bằng biện pháp tư pháp (*0.75 điểm/5 điểm*).

b) Thực trạng: Điểm số phát hiện và xử lý tham nhũng, thu hồi tài sản tham

¹¹ như: Công khai, minh bạch; chế độ, định mức, tiêu chuẩn; quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn; xung đột lợi ích; chuyển đổi vị trí công tác; về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng; đối với người kê khai TSTN và xử lý vi phạm khác trong kiểm soát TSTN



chưa cao; có một số tiêu chí thành phần có điểm số thấp hoặc không có điểm số dẫn đến tổng điểm đánh giá của tỉnh chưa đạt; cơ chế phát hiện, xử lý các hành vi tham nhũng còn chậm, chưa kịp thời; chưa có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ trong việc xử lý của các cơ quan, đơn vị,... Để thực hiện tốt nội dung này trong thời gian đến cần phải:

- Tăng cường chỉ đạo đánh giá công tác thực hiện kế hoạch PCTN của đơn vị mình; giao nhiệm vụ cho phòng, ban chủ trì, cá nhân trực tiếp thực hiện tiến hành thu thập hồ sơ, tài liệu, chứng cứ, nhập dữ liệu theo bộ tiêu chí của Thanh tra Chính phủ để phục vụ công tác đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng cấp tỉnh.

- Ban hành, đánh giá và báo cáo UBND tỉnh về kết quả thực hiện kế hoạch xung đột lợi ích, rà soát và xử lý xung đột lợi ích, Chỉ thị 10/TTg ngày 22/4/2019 của TTg CP, Chỉ thị số 27-CT/TU ngày 12/01/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 1397/UBND-NC ngày 04/4/2023 và các văn bản chỉ đạo của tỉnh về công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực; trong đó cần tập trung chỉ đạo tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống tham nhũng; thực hiện cải cách hành chính, công khai, minh bạch, đổi mới công nghệ quản lý; thanh tra, kiểm tra thường xuyên, đột xuất hoạt động thực thi công vụ để kịp thời phát hiện, xử lý ngay hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà trong giải quyết công việc của người dân, doanh nghiệp.

- Tăng cường nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn thư phản ánh, tố cáo để phát hiện các hành vi tham nhũng và các hành vi vi phạm khác của luật PCTN 2018; theo dõi, đôn đốc, phối hợp thu hồi các tài sản tham nhũng bằng biện pháp hành chính và tư pháp.

CHUYÊN ĐỀ 2

KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP CỦA NGƯỜI CÓ CHỨC VỤ, QUYỀN HẠN TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

I. Việc tổ chức việc kê khai và tiếp nhận, bàn giao bản kê khai, công



khai bản kê khai TSTN

1. Về tổ chức thực hiện

a) Về tổ chức thực hiện việc KKTSTN (Điều 37 Luật PCTN 2018)

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai tổ chức việc kê khai tài sản, thu nhập như sau:

+ Lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai và gửi cho Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có thẩm quyền;

+ Hướng dẫn việc kê khai tài sản, thu nhập cho người có nghĩa vụ kê khai;

+ Lập sổ theo dõi kê khai, giao, nhận bản kê khai.

- Người có nghĩa vụ kê khai có trách nhiệm kê khai theo mẫu và gửi bản kê khai cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai.

b) Tiếp nhận, quản lý, bàn giao bản kê khai tài sản, thu nhập (Điều 38 Luật PCTN 2018)

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý bản kê khai.

- Trường hợp bản kê khai không đúng theo mẫu hoặc không đầy đủ về nội dung thì cơ quan, tổ chức, đơn vị yêu cầu kê khai bổ sung hoặc kê khai lại. Thời hạn kê khai bổ sung hoặc kê khai lại là 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, trừ trường hợp có lý do chính đáng.

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được bản kê khai, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai rà soát, kiểm tra bản kê khai và bàn giao 01 bản kê khai cho Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có thẩm quyền.

c) Công khai bản kê khai TSTN (Điều 11, 12 NB 130)

- Công khai bản kê khai tại cơ quan, tổ chức, đơn vị (chậm nhất 05 ngày kể từ ngày giao bản kê khai cho cơ quan kiểm soát TSTN):

- Niêm yết tại trụ sở cơ quan: Thời gian niêm yết (15 ngày); vị trí an toàn, thuận tiện; lập biên bản niêm yết (Thủ trưởng, Công đoàn).

- Công bố tại cuộc họp: Toàn thể cán bộ, công chức, viên chức (tối thiểu 2/3 số người được triệu tập); lập biên bản cuộc họp công khai.

- Công khai bản kê khai của người dự kiến được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước

- Công khai bằng hình thức công bố tại cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm

- Người kê khai có quyền giải thích các ý kiến nêu tại cuộc họp (nếu có).

- Việc công khai phải được ghi vào biên bản cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm.

2. Thực trạng:



- Công tác chỉ đạo, quán triệt của người đứng đầu địa phương, đơn vị về các quy định pháp luật về kê khai và kiểm soát TSTN chưa thực sự quan tâm đúng mức, triển khai không sâu kỹ, thiếu thường xuyên; các đối tượng có nghĩa vụ kê khai TSTN còn chủ quan, không nghiên cứu kỹ quy định

- Bộ phận phụ trách công tác tổ chức, cán bộ chưa nắm được quy trình, quy định tổ chức kê khai dẫn đến sai sót trong tiếp nhận, xử lý, lưu giữ bản khai như: không mở sổ theo dõi việc giao, nhận Bản kê khai; nhiều người khai chưa đúng mẫu, người khai không ký trên các tờ trong bản kê khai; bản khai không được lưu cùng hồ sơ của Người có nghĩa vụ kê khai tại đơn vị mình...

- Việc xác định người có nghĩa vụ kê khai tài sản thu nhập hàng năm còn bị dư đối tượng và bỏ sót đối tượng dẫn đến đối tượng ko thuộc trường hợp kê khai thì lại kê khai và ngược lại đối tượng thuộc diện kê khai thì lại chưa kê khai.

- Việc xây dựng kế hoạch và ban hành Quyết định phê duyệt người có nghĩa vụ KKTSTN tại các cơ quan, đơn vị, địa phương còn chậm.

- Việc bàn giao bản KKTSTN về cơ quan kiểm soát tài sản thu nhập chưa đúng thời gian quy định.

- Cơ quan quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai chưa rà soát lại các bản kê khai tài sản của người kê khai đã nộp, dẫn đến khi bàn giao về cơ quan kiểm soát tài sản thu nhập còn tình trạng thiếu thông tin, chưa đúng biểu mẫu, chưa đầy đủ nội dung theo yêu cầu của việc kê khai.

- Việc tổ chức công khai bản kê khai gần như chưa thực hiện đúng quy định hồ sơ công khai không được lưu lập; không có kế hoạch công khai, không có biên bản cuộc họp với sự tham gia của đại diện Ban chấp hành công đoàn cơ quan....

3. Các nội dung cần thực hiện trong thời gian đến

3.1. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương

- Xây dựng, ban hành Kế hoạch triển khai công tác KKTSTN tại cơ quan, đơn vị, địa phương (*bao gồm các nội dung chính như: Thời gian kê khai, biểu mẫu kê khai, thời gian và địa điểm nộp bản kê khai, các mốc thời gian cụ thể.....*) để làm cơ sở thực hiện, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra.

- **Rà soát** người thuộc diện KKTSTN, ban hành Quyết định phê duyệt danh sách người có nghĩa vụ KKTSTN và gửi về cơ quan kiểm soát tài sản thu nhập; thời gian hoàn thành trước ngày 30/11 hàng năm.

- Tổ chức phổ biến, hướng dẫn, gửi mẫu kê khai cho người có nghĩa vụ kê khai thực hiện việc KKTSTN; tiếp nhận, lập sổ theo dõi kê khai, giao, nhận bản KKTSTN; bàn giao bản KKTSTN về cơ quan kiểm soát tài sản thu nhập.

Cơ quan quản lý sử dụng người có nghĩa vụ kê khai thực hiện việc kiểm tra, rà soát lại các bản KKTSTN của người kê khai đã nộp, đảm bảo bản KKTSTN phải đúng biểu mẫu, đầy đủ nội dung, thông tin theo yêu cầu của việc kê khai theo quy định. Trường hợp phát hiện việc kê khai không đúng, không đầy đủ nội dung, thông tin theo yêu cầu của việc kê khai thì nhanh chóng hướng dẫn người kê khai



thực hiện kê khai lại, hoàn chỉnh trước khi thực hiện việc bàn giao bản KKTSTN về cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập. Tất cả nội dung trên phải hoàn thành **trước ngày 31/12 hàng năm.**

Theo Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập đã quy định cụ thể thẩm quyền của các cơ quan kiểm soát tài sản; theo đó, khi phê duyệt danh sách người có nghĩa vụ KKTSTN năm 2023 và các năm tiếp theo cần phân định rõ đối tượng kiểm soát thuộc cơ quan kiểm soát tài sản thu nhập nào (*cụ thể như: Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Thanh tra tỉnh hay Ủy ban Kiểm tra cấp huyện kiểm soát.....*) để bàn giao bản kê khai của người có nghĩa vụ KKTSTN đúng cơ quan có thẩm quyền kiểm soát tài sản, thu nhập.

3.2. Đối với người có nghĩa vụ KKTSTN

- Người có nghĩa vụ KKTSTN phải lập 02 bản KKTSTN để nộp cho cơ quan, đơn vị quản lý mình.

- Người có nghĩa vụ KKTSTN thực hiện KKTSTN đúng biểu mẫu, nội dung kê khai theo phụ lục và hướng dẫn tại Nghị định 130/2020/NĐ-CP, cụ thể:

+ Người KKTSTN lần đầu, hàng năm và phục vụ công tác cán bộ kê khai theo Mẫu bản KKTSTN tại Phụ lục I của Nghị định 130/2020/NĐ-CP.

+ Người KKTSTN bổ sung kê khai theo Mẫu bản KKTSTN tại Phụ lục II của Nghị định 130/2020/NĐ-CP.

4. Các nội dung cần thực hiện trong thời gian đến

- Tiếp tục quán triệt, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người đứng đầu về thực hiện quy định pháp luật về minh bạch TSTN; tuyên truyền, quán triệt các quy định của pháp luật về minh bạch TSTN để nâng cao nhận thức, trách nhiệm giám sát của toàn xã hội về chủ trương giải pháp phòng ngừa tham nhũng.

- Cần đẩy mạnh công tác thanh tra trách nhiệm thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, chú trọng nội dung về thực hiện minh bạch TSTN; phát hiện, xử lý kịp thời trách nhiệm của người đứng đầu, của cơ quan tham mưu và cả những người có nghĩa vụ phải kê khai vi phạm quy định về tổ chức thực hiện kê khai TSTN; cần phải xử lý sai phạm đúng với quy định, trong đó chú trọng xử lý trách nhiệm của người đứng đầu để làm gương.

II. Xác định các đối tượng kê khai

1. Người có nghĩa vụ kê khai

Theo quy định tại Điều 34 Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 quy định chung về người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập. Việc thực hiện kê khai tài sản, thu nhập bao gồm: kê khai lần đầu, kê khai hàng năm, kê khai bổ sung và kê khai phục vụ công tác cán bộ. Người có nghĩa vụ kê khai được Luật Phòng, chống tham nhũng quy định bao gồm:

(1) Cán bộ, công chức.



(2) Sĩ quan Công an nhân dân; sĩ quan Quân đội nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp;

(3) Người giữ chức vụ từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập. *Hay nói cách khác*, đối tượng này chính là viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

(4) Người giữ chức vụ từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm 100% vốn điều lệ.

(5) Người được cử làm đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

(6) Người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

2. Các diện kê khai tài sản, thu nhập

- **Kê khai tài sản, thu nhập lần đầu** (gọi tắt là kê khai lần đầu) là diện kê khai đầu tiên. Mỗi cá nhân **chỉ có duy nhất một bản kê khai lần đầu**, kể cả sau đó có chuyển công tác sang cơ quan, đơn vị khác, cụ thể:

+ Người đang giữ vị trí công tác quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 34 Luật PCTN 2018. Việc kê khai phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2019;

+ Người lần đầu giữ vị trí công tác quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 34 Luật PCTN 2018. Việc kê khai phải hoàn thành chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày được tiếp nhận, tuyển dụng, bổ trí vào vị trí công tác.

Ví dụ:

Đối với công chức: Ông A sau khi tốt nghiệp đại học đã trúng tuyển kỳ thi tuyển dụng công chức sau ngày 31/3/2021; do đó cơ quan quản lý sử dụng ông A có trách nhiệm cho ông A kê khai tài sản lần đầu trong vòng 10 ngày kể từ ngày ghi trên quyết định tuyển dụng theo quy định.

Đối với viên chức: Bà A là viên chức không giữ chức vụ của đơn vị sự nghiệp công lập B (theo quy định không thuộc đối tượng có nghĩa vụ kê khai như đã nêu tại mục 1), nay được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Trưởng phòng của đơn vị này sau ngày 31/3/2021; do đó đơn vị B có trách nhiệm cho bà A kê khai tài sản lần đầu trong vòng 10 ngày kể từ ngày ghi trên quyết định bổ nhiệm theo quy định.

- **Kê khai tài sản, thu nhập hằng năm** (gọi tắt là kê khai hằng năm) là diện kê khai tiếp theo sau khi đã hoàn thành việc kê khai lần đầu, cụ thể như sau:

(1) Người giữ chức vụ từ Giám đốc sở và tương đương trở lên. Việc kê khai phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12.

(2) Các ngạch **công chức** và chức danh, gồm: Chấp hành viên; Điều tra viên; **Kế toán viên; Kiểm lâm viên;** Kiểm sát viên; Kiểm soát viên ngân hàng; Kiểm soát viên thị trường; Kiểm toán viên; **Kiểm tra viên của Đảng;** Kiểm tra viên hải quan; Kiểm tra viên thuế; **Thanh tra viên;** Thẩm phán (*khoản 1 Điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP*).



(3) Những người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ **Phó trưởng phòng và tương đương trở lên** (áp dụng cả cán bộ, công chức, viên chức và những người công tác tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm 100% vốn điều lệ) công tác trong một số lĩnh vực được xác định trong danh mục tại Phụ lục III được ban hành kèm theo Nghị định 130/2020/NĐ-CP (Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP).

(4) Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (khoản 3 Điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP).

- **Kê khai tài sản, thu nhập bổ sung** (gọi tắt là kê khai bổ sung) là diện kê khai tiếp theo sau khi đã hoàn thành việc kê khai lần đầu, được thực hiện khi người có nghĩa vụ kê khai có biến động về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên. Việc kê khai phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 của năm có biến động về tài sản, thu nhập, trừ trường hợp đã kê khai theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Luật PCTN 2018. Đối tượng thuộc diện kê khai bổ sung cần thỏa mãn đủ 02 điều kiện như sau:

+ Bản thân đang thuộc đối tượng có nghĩa vụ kê khai quy định tại Điều 34 Luật Phòng, chống tham nhũng; đã kê khai lần đầu, nay đến kỳ kê khai định kỳ mỗi năm không thuộc các đối tượng trong diện kê khai hằng năm.

+ Phải có biến động tài sản, thu nhập trong năm từ 300 triệu đồng trở lên.

- **Kê khai phục vụ công tác cán bộ** được thực hiện đối với những trường hợp sau đây:

+ Người có nghĩa vụ kê khai quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 34 Luật PCTN 2018 khi dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác. Việc kê khai phải hoàn thành chậm nhất là 10 ngày trước ngày dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác.

+ Người có nghĩa vụ kê khai quy định tại khoản 4 Điều 34 Luật PCTN 2018. Thời điểm kê khai được thực hiện theo quy định của pháp luật về bầu cử.

III. Phạm vi kiểm soát tài sản, thu nhập

Căn cứ Điều 30 Luật Phòng, chống tham nhũng và Điều 3 Quy chế phối hợp ban hành kèm theo Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của của Bộ Chính trị về quy chế phối hợp các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập (Mật - đã chuyển trực tiếp đến các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh), Thanh tra tỉnh liệt kê một số các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có liên quan đến các đối tượng kê khai TSTN trên địa bàn tỉnh như sau:

(1) Ủy ban Kiểm tra Trung ương: Kiểm soát TSTN của người thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

(2) Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy kiểm soát TSTN những đối tượng như sau:

- Người thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý;

- Người công tác trong cơ quan Đảng cấp tỉnh (trừ những người thuộc diện kiểm soát của Ủy ban Kiểm tra Trung ương).



(3) Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy, Thành ủy, Thị ủy kiểm soát TSTN những đối tượng như sau:

- Người thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy, Thành ủy, Thị ủy quản lý;
- Người công tác trong cơ quan Đảng cấp huyện, cấp xã (trừ những người thuộc diện kiểm soát của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy).

(4) Thanh tra tỉnh kiểm soát TSTN những người không thuộc diện Ban Thường vụ các cấp quản lý thuộc phạm vi quản lý của chính quyền địa phương.

(5) Đối với các tổ chức chính trị, xã hội: Tổ chức chính trị, xã hội tại Trung ương kiểm soát các bản kê khai TSTN của tổ chức mình; trừ những người thuộc diện Ban Thường vụ các cấp quản lý.

(6) Đối với các cơ quan quản lý theo ngành dọc (*Quân đội, Công an, VKSND, TAND*), *cơ quan Trung ương đóng tại địa phương (Cục Hải quan, Cục Thuế, Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước...)*: Cơ quan Trung ương chủ quản kiểm soát các bản kê khai TSTN của ngành mình; trừ những người thuộc diện Ban Thường vụ các cấp quản lý.

III. Hướng dẫn kê khai

1. Đối với bản kê khai tài sản, thu nhập lần đầu và hằng năm (*áp dụng Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP của Chính phủ*)

a) Bản kê khai tài sản thu nhập: Căn cứ diện kê khai, ghi rõ tên bản kê khai như sau, không điều chỉnh, thêm bớt nội dung:

- Bản kê khai tài sản, thu nhập lần đầu.
- Bản kê khai tài sản, thu nhập hằng năm.
- Bản kê khai tài sản, thu nhập bổ sung.
- Bản kê khai phục vụ công tác cán bộ.

b) Ghi ngày hoàn thành bản kê khai

c) Thông tin chung: Ghi chi tiết thông tin cá nhân, vợ/chồng và con chưa thành niên tính tại thời điểm kê khai theo mẫu.

d) Thông tin mô tả tài sản:

Theo quy định tại Điều 35 Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 quy định tài sản, thu nhập phải kê khai, theo đó, về nguyên tắc tài sản kê khai là tài sản hiện có thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của người kê khai, của vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi (nếu có) chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

Các tài sản, thu nhập phải kê khai bao gồm:

(1) Quyền sử dụng thực tế đối với đất là trên thực tế người kê khai có quyền sử dụng đối với thửa đất bao gồm đất đã được cấp hoặc chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Nếu thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ghi số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tên người được cấp hoặc tên người đại diện



(nếu là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chung của nhiều người); nếu thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ghi “*chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

- Ghi cụ thể về tình trạng thực tế quản lý, sử dụng (*ví dụ như người kê khai đứng tên đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu nhưng thực tế là của người khác*); tình trạng chuyển nhượng, sang tên và hiện trạng sử dụng như cho thuê, cho mượn,...

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn B được bố mẹ cho tặng một mảnh vườn cây cao su, mảnh vườn này chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp GCNQSD đất và bố mẹ ông B không làm giấy tờ cho tặng, tuy nhiên ông B được quyền sử dụng và quyền sở hữu đối với tài sản là mảnh vườn trên, trong trường hợp này ông Nguyễn Văn B phải thực hiện kê khai tài sản là mảnh vườn trên theo quy định, và ghi rõ nguồn gốc thửa đất trên được bố mẹ cho tặng, chưa được nhà nước cấp GCNQSD đất.

Ví dụ 2: Bà Nguyễn Thị T công tác tại tỉnh Quảng Ngãi có mua một mảnh đất tại tỉnh Đà Nẵng, khi mua tài sản là mảnh đất trên bà T cho mẹ của bà đứng tên trên GCNQSD đất; trong trường hợp này bà T vẫn phải thực hiện kê khai tài sản đối với mảnh đất trên và ghi rõ thông tin là tài sản do bà T mua và cho mẹ đứng tên trên GCNQSD đất.

- **Đất ở** là đất được sử dụng vào mục đích để ở theo quy định của pháp luật về đất đai.

+ Trường hợp thửa đất được sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau mà trong đó có đất ở thì kê khai vào mục đất ở.

+ Ghi cụ thể số nhà (nếu có), ngõ, ngách, khu phố, thôn, xóm, bản; xã, phường, thị trấn; quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

+ Ghi diện tích đất (m²) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc diện tích đo thực tế (nếu chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

+ Giá trị là giá gốc tính bằng tiền Việt Nam, cụ thể:

++ Ghi rõ giá trị sang nhượng, mua bán (đơn vị VNĐ) tại thời điểm nhận sang nhượng, mua bán theo đúng hợp đồng mua bán kèm phí, lệ phí. Trường hợp giá sang nhượng được tính bằng vàng thì quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá tại thời điểm sang nhượng.

++ Trường hợp tài sản có được do tự xây dựng, chế tạo, tôn tạo thì ghi tổng chi phí đã chi trả để hoàn thành việc xây dựng, chế tạo, tôn tạo cộng với phí, lệ phí (nếu có) tại thời điểm hình thành tài sản.

++ Trường hợp tài sản được cho, tặng, thừa kế thì ghi theo giá thị trường tại thời điểm được cho, tặng, thừa kế cộng với các khoản thuế, phí khác (nếu có) và kèm theo chữ “Giá trị ước tính” (*Ví dụ: Giá trị ước tính là 500.000.000 đồng*).



++ Trường hợp không thể ước tính giá trị tài sản vì các lý do như tài sản sử dụng đã quá lâu hoặc không có giao dịch đối với tài sản tương tự thì ghi “không xác định được giá trị” và ghi rõ lý do. Lưu ý, nếu lý do không hợp lý, khách quan sẽ được xem như kê khai không đầy đủ.

Ví dụ: Năm 2023, bà Lê Thị X có mua một thửa đất của bà Đinh Thị P, địa chỉ thửa đất tại TP Quảng Ngãi, với giá trị thực tế là 3 tỷ đồng, tuy nhiên khi làm hợp đồng sang nhượng bà Đinh Thị P thương lượng với bà Lê Thị X ghi giá sang nhượng trên hợp đồng với giá trị là 300 triệu đồng; đến tháng 12 năm 2023 bà Lê Thị X thực hiện kê khai TSTN, trong trường hợp này bà Lê Thị X phải kê khai TSTN như sau:

- Thứ nhất: thực hiện kê khai TSTN theo mẫu được quy định tại ND 130 và kê khai **đúng giá trị thực tế** mà bà Lê Thị X đã trả cho bà Đinh Thị P là 3 tỷ đồng.

- Thứ hai: liên hệ với bà Đinh Thị P để lập lại Hợp đồng sang nhượng đất theo đúng giá trị thực tế đã sang nhượng.

* Trường hợp bà Lê Thị X không kê khai theo đúng giá trị thực tế đã sang nhượng là 3 tỷ đồng, mà kê khai theo giá trị hợp đồng là 300 triệu đồng, như vậy bà Lê Thị X đã vi phạm về hành vi kê khai TSTN không trung thực và sẽ bị xử lý theo quy định tại Điều 51, Luật PCTN năm 2018 và các quy định pháp luật khác.

- **Các loại đất khác:** Kê khai tương tự đất ở, kê khai các loại đất có mục đích sử dụng không phải là đất ở theo quy định của Luật Đất đai.

(2) **Nhà ở:** Kê khai theo quy định của Phụ lục

- Trường hợp đang ở nhờ, ở chung, được cho thuê nhà của người khác thì không kê khai (*trừ trường hợp Nhà nước cho thuê*).

- Về diện tích:

+ Nhà ở riêng lẻ, biệt thự: Ghi rõ tổng diện tích (m²) sàn xây dựng của tất cả các tầng bao gồm cả các tầng hầm, tầng nửa hầm, tầng kỹ thuật, tầng áp mái và tầng mái tum.

+ Căn hộ: Ghi theo giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc hợp đồng mua, cho thuê của Nhà nước.

(3) **Công trình xây dựng khác** là công trình xây dựng không phải nhà ở.

(4) **Cây lâu năm** là loại cây trồng một lần, sinh trưởng và cho thu hoạch trong nhiều năm mà mỗi loại có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, gồm các loại: cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả lâu năm, cây lâu năm lấy gỗ, cây tạo cảnh, bóng mát. Cây mà thuộc rừng sản xuất thì không ghi vào mục này.

(5) **Rừng sản xuất** là rừng trồng bằng vốn chủ rừng tự đầu tư (vốn tự có, vốn vay, vốn liên doanh, liên kết không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước) có hỗ trợ của Nhà nước và các nguồn khác.

(6) **Vật kiến trúc khác gắn liền với đất** mỗi loại có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên thì kê khai tại mục này.



(7) Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: Kê khai tất cả các kim loại quý đang sở hữu có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên. Ví dụ: Có 3 chiếc nhẫn vàng, giá trị mỗi chiếc 20 triệu thì tổng giá trị sẽ là 60 triệu nên phải kê khai.

(8) Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. Nếu ngoại tệ thì ghi số lượng và số tiền quy đổi ra tiền Việt Nam, cụ thể:

- Kê khai tất cả các khoản tiền theo mệnh giá VNĐ đang hiện hữu tại mốc kê khai mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

+ Tiền mặt

+ Tiền cho vay;

+ Tiền trả trước: Số tiền đã chi trả một phần để mua một tài sản nào đó.

Ví dụ: Ông A muốn mua một căn nhà với giá 05 tỷ đồng nhưng không có đủ tiền, ông A trả trước 01 tỷ đồng, còn lại vay trả góp 04 tỷ đồng. Số tiền 01 tỷ đồng này được gọi là tiền trả trước.

+ Tiền gửi tiết kiệm (cho cá nhân, tổ chức trong nước, ngoài nước): Bao gồm tiền trong các tài khoản thanh toán và các sổ tiết kiệm.

Ví dụ chung: Tại mốc kê khai 01/11/2022, ông A có 20 triệu đồng trong thẻ ATM, 05 triệu đồng tiền mặt, tiền cho bà B vay 05 triệu đồng, 01 sổ tiết kiệm chưa đáo hạn giá trị 20 triệu đồng. Như vậy, tổng giá trị tiền ông A đang có là 50 triệu đồng nên phải kê khai tất cả các khoản tiền trên.

- Đối với những loại tiền ngoại tệ cần phải ghi rõ số lượng và giá trị quy đổi sang mệnh giá VNĐ theo tỷ giá tại thời điểm kê khai.

(9) Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá trị khác: Kê khai theo quy định của Phụ lục.

- Giấy tờ có giá trị khác: chứng chỉ quỹ, kỳ phiếu, séc...

- Vốn góp: Ghi từng hình thức góp vốn đầu tư kinh doanh (nội dung đầu tư) cả trực tiếp (trực tiếp tham gia vào quá trình đầu tư) và gián tiếp (gián tiếp qua một cá nhân, tổ chức trực tiếp đầu tư).

Ví dụ: Người kê khai A cùng với ông B và C góp vốn kinh doanh 10 máy bán nước tự động có tổng giá trị là 01 tỷ đồng, trong đó ông A góp 400 triệu đồng. Như vậy ông A phải kê khai như sau:

- Ghi từng hình thức góp vốn đầu tư kinh doanh, cả trực tiếp và gián tiếp.

Ví dụ:

- Góp vốn trực tiếp đầu tư kinh doanh 10 máy bán nước tự động. Giá trị: 400 triệu đồng (tổng giá trị đầu tư là 01 tỷ đồng).



- Ông D tiến hành góp vốn bằng xe oto vào đơn vị N – kinh doanh vận tải; góp vốn bằng tiền mặt 500 triệu đồng vào đơn vị P, góp vốn bằng quyền sử dụng thửa đất với diện tích 1.000m², trị giá thửa đất 4 tỷ đồng vào đơn vị Q; trong trường hợp này ông D phải tiến hành kê khai tài sản trên tại mục 6.3, Phụ lục 1 của ND 130, như sau:

+ Hình thức góp vốn: bằng xe oto vào đơn vị N – kinh doanh vận tải, giá trị góp vốn 1 tỷ;

+ Hình thức góp vốn: bằng tiền mặt vào đơn vị P, giá trị góp vốn 500 triệu;

+ Hình thức góp vốn: bằng quyền sử dụng đất và ghi rõ số GCNQSD đất, người đứng tên trên GCNQSD đất, góp vào đơn vị Q, giá trị góp vốn 4 tỷ đồng;

(10) Ô tô, mô tô, xe gắn máy, xe máy (máy ủi, máy xúc, các loại xe máy khác), tàu thủy, tàu bay, thuyền và những động sản khác mà theo quy định phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký có giá trị mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.

(11) Các loại tài sản khác như cây cảnh, bàn ghế, tranh ảnh và các loại tài sản khác mà giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.

Ví dụ: Ông Trần Văn C có một số tài sản như: cây cảnh (hoa lan) trị giá trên 70 triệu đồng, bộ bàn ghế gỗ trị giá 40 triệu đồng, 01 xe máy hiệu honda trị giá 45 triệu đồng và 01 xe máy hiệu SH trị giá 97 triệu đồng; trong trường hợp này ông C phải kê khai các loại tài sản trên vào mục 7.1, 7.2 tại Phụ lục số I, Nghị định số 130/2020/ND-CP của Chính phủ như sau:

+ Tên tài sản: xe gắn máy; số lượng: 02 chiếc; giá trị: 142 triệu đồng, năm bắt đầu sở hữu 20xx.

+ Tên tài sản: cây cảnh (hoa lan), trị giá trên 70 triệu đồng, năm bắt đầu sở hữu 20xx;

Như vậy, tài sản là bộ bàn ghế gỗ, có trị giá dưới 50 triệu đồng, do vậy tài sản này ông Trần Văn C không phải kê khai.

(12) Kê khai tài sản ở nước ngoài phải kê khai tất cả loại tài sản nằm ngoài lãnh thổ Việt Nam, tương tự mục 1 đến mục 7 của Phần II của bảng kê khai và nêu rõ tài sản đang ở nước nào.

(13) Kê khai các tài khoản mở tại ngân hàng ở nước ngoài; các tài khoản khác mở ở nước ngoài không phải là tài khoản ngân hàng nhưng có thể thực hiện các giao dịch bằng tiền, tài sản (như tài khoản mở ở các công ty chứng khoán nước ngoài, sàn giao dịch vàng nước ngoài, ví điện tử ở nước ngoài...).

(14) Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai

- Đối với kê khai lần đầu thì không phải kê khai tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai. Đối với lần kê khai thứ hai trở đi được xác định từ ngày kê khai liền kề trước đó đến ngày trước ngày kê khai.

- Kê khai riêng tổng thu nhập của người kê khai, vợ hoặc chồng, con chưa thành niên. Trong trường hợp có những khoản thu nhập chung mà không thể tách



riêng thì ghi tổng thu nhập chung vào phần các khoản thu nhập chung; nếu có thu nhập bằng ngoại tệ, tài sản khác thì quy đổi thành tiền Việt Nam (gồm các khoản lương, phụ cấp, trợ cấp, thưởng, thù lao, cho, tặng, biếu, thừa kế, tiền thu do bán tài sản, thu nhập hưởng lợi từ các khoản đầu tư, phát minh, sáng chế, các khoản thu nhập khác).

Vi dụ: ông H thuộc đối tượng kê khai TSTN, trong năm 2021 ông H có tổng thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp là 120 triệu đồng/năm, vợ ông H làm nghề kinh doanh, có tổng thu nhập là 300 triệu đồng/năm; ngoài ra vợ chồng ông H có vườn cây cao su, diện tích 10.000m², tại địa chỉ Phường A, TP B (nguồn hình thành từ tài sản do vợ, chồng ông H tích lũy và mua được mảnh vườn cao su, trị giá 200 triệu đồng) mỗi năm thu nhập từ vườn cây cao su là 500 triệu đồng/năm; hai người con của vợ chồng ông H chưa thành niên và không có thu nhập; trong trường hợp này ông H phải kê khai TSTN theo mục 10, phụ lục 1, NĐ 130 như sau:

10. Tổng thu nhập **giữa** hai lần kê khai: (lưu ý: đối với KK lần đầu thì không phải khai tổng thu nhập giữa hai lần kê khai, đối với lần KK thứ hai trở đi được xác định từ ngày KK liền kề trước đó đến trước ngày KK)

+ Tổng thu nhập của người kê khai: 120 triệu đồng (lưu ý: Ghi tổng thu nhập của người kê khai trong kỳ kê khai, không liệt kê chi tiết từng khoản).

+ Tổng thu nhập của vợ: 300 triệu đồng;

+ Tổng thu nhập của con chưa thành niên: 0;

+ Tổng các khoản thu nhập chung: 500 triệu đồng (lưu ý: Phần này không phải là tổng của 03 thu nhập trên, mà thể hiện các khoản thu nhập phát sinh trong kỳ kê khai nhưng không thể tách riêng thành thu nhập của cá nhân nào).

Việc thực hiện kê khai tài sản, thu nhập được thực hiện theo mẫu bản kê khai do Chính phủ quy định.

(15) Biến động tài sản, thu nhập; giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm: Thể hiện đúng thể thức quy định trong Phụ lục

- Trường hợp nếu không có biến động về tài sản thì ghi rõ ngay “Không có biến động” ngay sau tên mục III.

- Tại cột Tăng/giảm:

+ Cột số lượng tài sản: Thêm dấu (+) nếu tài sản tăng kèm theo số lượng tài sản; thêm dấu (-) nếu tài sản giảm kèm theo số lượng tài sản (Trừ mục Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai).

Lưu ý: Không có dấu (+) hoặc (-) là sai thể thức.

+ Cột giá trị tài sản, thu nhập: Thể hiện giá trị tài sản như đã kê khai tại Phần II. Đối với những tài sản giảm không còn thể hiện tại Phần II (ví dụ như đã bán, cho, tặng người khác, v.v) thì giá trị giảm phải là giá trị đã kê khai trong bản kê khai trước đó. Lưu ý không ghi giá trị bán được (trường hợp bán tài sản) mà thể hiện số liệu này vào mục Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai.



Ví dụ: Ông A có 01 thửa đất, giá trị lúc mua là 500 triệu đồng và đã thể hiện trong bản kê khai hàng năm năm 2021. Sang năm 2022, ông A bán thửa đất này và thu lại được 02 tỷ đồng. Như vậy, tại cột giá trị tài sản, thu nhập của thửa đất giảm này cần thể hiện là “- 500 triệu đồng”; còn số tiền bán đất 02 tỷ đồng thì ghi vào mục Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai.

- Tại cột Nội dung giải trình: Giải thích rõ ràng, chi tiết nguồn gốc, lý do tăng, giảm tài sản; nội dung phải khách quan, hợp lý và chi tiết trên tinh thần tạo điều kiện để cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập dễ dàng thực hiện việc xác minh.

- Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai (mục số 9, Phần III), đây là mục đặc thù nhất trong Phần III, không thể hiện biến động như với các mục khác nên thực hiện việc kê khai như sau:

+ Cột số lượng tài sản để trống;

+ Cột giá trị tài sản, thu nhập thể hiện dấu (+) kèm theo tổng thu nhập của 04 thu nhập cộng lại đã được kê khai tại mục số 10 Phần II;

+ Cột nội dung giải trình: Thể hiện chi tiết từng khoản thu nhập phải kê khai (*Lương, phụ cấp, trợ cấp, thưởng, thù lao, cho, tặng, biếu, thừa kế, tiền thu do bán tài sản, thu nhập hưởng lợi từ các khoản đầu tư, phát minh, sáng chế, các khoản thu nhập khác*).

*Ví dụ: Tiếp ở ví dụ trên, sang năm 2022, ông H bán mảnh vườn cao su trên với giá 2 tỷ đồng; ông H có hợp đồng vay với số tiền 3 tỷ đồng từ Ngân hàng Viettinbank; sau đó ông H dùng số tiền 2 tỷ đồng từ việc bán vườn cao su và 1,5 tỷ đồng vay từ Ngân hàng để mua một mảnh đất khác với diện tích 150m² tại địa chỉ X để xây dựng căn nhà mới (trong đó giá mua mảnh đất tại địa chỉ X là 2,5 tỷ đồng, tiền xây dựng căn nhà mới hết 1 tỷ đồng); ông H mua một chiếc oto trị giá 2 tỷ đồng, đăng ký biển kiểm soát 76x....(trong đó ông H dùng 1,5 tỷ đồng từ nguồn vay và 500 triệu đồng từ tích lũy nguồn thu nhập để mua xe oto); thu nhập từ lương của ông H và thu nhập của vợ ông H không thay đổi; trong trường hợp này ông H phải kê khai tài sản tại **mục II và mục III**, phụ lục 1, ND 130 như sau:*

Loại tài sản, thu nhập	Tăng/giảm		Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng đất 1.1/Đất ở - Mua thửa đất tại địa chỉ X	+150m ²	2.500 triệu	Mua từ tiền bán mảnh vườn cao su tại địa chỉ phường A, TP B là 2 tỷ và 500 triệu đồng từ vay NH Viettinbank.
2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở - Xây nhà ở tại thửa đất, địa chỉ X	+ 100 m ²	1.000 triệu	Từ vay NH Viettinbank.



<i>Loại tài sản, thu nhập</i>	<i>Tăng/giảm</i>		<i>Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm và tổng thu nhập</i>
	<i>Số lượng tài sản</i>	<i>Giá trị tài sản, thu nhập</i>	
<i>3. Tài sản khác gắn liền với đất - Bán đất vườn cao su</i>	- 10.000m ²	200 triệu	<i>Bán thừa đất tại địa chỉ Phường A, TP B</i>
<i>4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.</i>			
<i>5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. - Gửi tiết kiệm tại ngân hàng D</i>			
<i>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên</i>			
<i>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký - Mua ô tô, số ĐK: 93xx...</i>	+ 01	2.000 triệu	<i>Từ vay NH Viettinbank 1,5 tỷ đồng và 500 triệu đồng từ tích lũy thu nhập.</i>
<i>8. Tài sản ở nước ngoài</i>			
<i>9. Tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai.</i>		+ 2.920 triệu	<i>- Tổng nguồn thu nhập của năm 2021: 920 triệu, cụ thể: + Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp 120 triệu; + Thu nhập của vợ 300 triệu; + Thu nhập khoản thu nhập chung: 500 triệu. - Tiền bán thừa đất được 2.000 triệu</i>

2. Đối với bản kê khai tài sản, thu nhập bổ sung (áp dụng Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP của Chính phủ): Kê khai tương tự cách thức đối với bản kê khai tài sản, thu nhập lần đầu và hằng năm.



3. Thực tiễn thời gian qua việc kê khai tài sản thu nhập còn nhiều thiếu sót, những nội dung cần lưu ý khi kê khai:

- Về Giấy chứng nhận quyền sử dụng:

+ Thiếu sót trong việc ghi số GCNQSDĐ, tên người được cấp, hoặc tên người đại diện (nếu là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chung của nhiều người); trường hợp hừa được cấp GCNQSDĐ ghi nhưng không ghi “chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”

+ Thiếu sót không ghi cụ thể về tình trạng thực tế quản lý, sử dụng (ví dụ như người kê khai đứng tên đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu nhưng thực tế là của người khác); tình trạng chuyển nhượng, sang tên và hiện trạng sử dụng như cho thuê, cho mượn,...

- Về quyền sử dụng đất, nhà ở, công trình xây dựng:

+ Kê khai không đầy đủ thửa đất thuộc quyền sử dụng thực tế của người kê khai, của vợ hoặc chồng vào điểm 1 phần II Bản Kê khai TSTN

+ Kê khai giá trị thửa đất không đúng, kê khai giá trị nhà ở không đúng theo quy định tại hướng dẫn Phụ lục I (chú thích số 10) ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP.

+ Không kê khai các thửa đất tặng cho, thừa kế, kể cả trường hợp phát sinh trước thời điểm hôn nhân; các thửa đất do vợ/chồng đứng tên, vợ/chồng làm nghề kinh doanh bất động sản (mặc dù bản thân không cùng đóng góp tiền để mua); các thửa đất có hợp đồng mua bán, chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thửa đất tự khai hoang.

- Kê khai lần đầu nhưng lại kê khai Mục III “Biến động tài sản, thu nhập; giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm”.

- Tự ý thay đổi tên gọi, thứ tự các nội dung quy định tại mẫu này.

- Người kê khai không ký ở từng trang và ký, không ghi rõ họ tên ở trang cuối cùng của bản kê khai.

- Người tiếp nhận bản kê khai không phải kiểm tra tính đầy đủ của các nội dung phải kê khai, không ký và ghi rõ họ tên, chức danh/chức vụ, ngày tháng năm nhận bản kê khai.

- Về tiền gửi: Không kê khai tiền gửi tiết kiệm, tiền trong tài khoản cá nhân có tổng giá trị trên 50 triệu đồng tại thời điểm kê khai vào điểm 5 phần II Bản KKTSTN.

- Về vốn góp kinh doanh: Không kê khai góp vốn đầu tư vào điểm 6.3 phần II Bản KKTSTN.

- Về kê khai xe ô tô, mô tô, xe gắn máy:

+ Không kê khai xe ô tô vào điểm 7.1 phần II Bản Kê khai TSTN là không đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 Luật PCTN và hướng dẫn tại chú thích số 24 mục III Phần B Phụ lục I Nghị định số 130/2020/NĐ-CP.



+ Không kê khai các xe mô tô có tổng giá trị trên 50 triệu đồng vào điểm 7.1 phần II Bản Kê khai TSTN là không đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 Luật PCTN và hướng dẫn tại chú thích số 24 mục III Phần B Phụ lục I Nghị định số 130/2020/NĐ-CP.

Lý do không kê khai: hầu hết đều do nhận thức chỉ kê khai đối với 01 xe có giá trị trên 50 triệu đồng, do đứng tên vợ hoặc chồng của người kê khai hay xác định giá trị xe bị khấu hao nên đến thời điểm kê khai không đủ giá trị từ 50 triệu trở lên nên không thực hiện kê khai.

- Không kê khai tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác) có tổng giá trị trên 50 triệu đồng.

- Kê khai chưa chính xác Tổng các khoản thu nhập chung: Cộng thu nhập của vợ và chồng trong năm thành tổng các khoản thu nhập chung để kê khai vào điểm 10 phần II Bản Kê khai TSTN không đúng hướng dẫn tại chú thích số 28 Mục III Phần B Phụ lục I Nghị định số 130/2020/NĐ-CP.

- Thời gian hoàn thành việc kê khai chưa đúng quy định:

+ Kê khai hàng năm đúng thời gian trước 31/12 hàng năm theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 36 Luật PCTN 2018.

+ Kê khai lần đầu hoàn thành chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày được tiếp nhận, tuyển dụng, bố trí vào vị trí công tác.

+ Kê khai phục vụ công tác cán bộ trước 10 ngày dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm giữ chức vụ khác.

IV. Xử lý vi phạm quy định về kê khai TSTN.

- Đối với tổ chức Đảng: Có thể xử lý kỷ luật (*khiển trách, cảnh cáo*) theo Điều 17, Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị:

- Đối với đảng viên: Có thể xử lý kỷ luật (*khiển trách, cảnh cáo hoặc cách chức, khai trừ*) theo Điều 39, Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị:

- Xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai và xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN theo quy định tại Điều 20, 21 Luật PCTN 2018, cụ thể:

+ Người có nghĩa vụ kê khai mà kê khai không trung thực, giải trình nguồn gốc của TSTN tăng thêm không trung thực thì tùy theo tính chất, mức độ, đối tượng mà bị xử lý theo quy định tại Điều 51 của Luật Phòng, chống tham nhũng, cụ thể:

++ Người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu HĐND mà kê khai TSTN không trung thực, giải trình nguồn gốc của TSTN tăng thêm không trung thực thì bị xóa tên khỏi danh sách những người ứng cử.

++ Người được dự kiến bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, phê chuẩn, cử giữ chức vụ mà kê khai TSTN không trung thực, giải trình nguồn gốc của TSTN tăng thêm



không trung thực thì không được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, phê chuẩn, cử vào chức vụ đã dự kiến.

++ Người có nghĩa vụ kê khai không thuộc trường hợp nêu trên mà kê khai TSTN không trung thực, giải trình nguồn gốc của TSTN tăng thêm không trung thực thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, bị xử lý kỷ luật bằng một trong các hình thức cảnh cáo, hạ bậc lương, giáng chức, cách chức, buộc thôi việc hoặc bãi nhiệm; nếu được quy hoạch vào các chức danh lãnh đạo, quản lý thì còn bị đưa ra khỏi danh sách quy hoạch; trường hợp xin thôi làm nhiệm vụ, từ chức, miễn nhiệm thì có thể xem xét không kỷ luật.

+ Người có nghĩa vụ kê khai mà tâu tán, che giấu TSTN, cản trở hoạt động kiểm soát TSTN, không nộp bản kê khai sau 02 lần được đôn đốc bằng văn bản thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý bằng một trong các hình thức cảnh cáo, hạ bậc lương, giáng chức, cách chức, bãi nhiệm, buộc thôi việc, giáng cấp bậc quân hàm, giáng cấp bậc hàm.

- Xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN theo quy định tại Điều 21 Luật PCTN 2018, cụ thể:

+ Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị thiếu trách nhiệm trong tổ chức việc kê khai, công khai bản kê khai, nộp bản kê khai thì tùy theo tính chất, mức độ mà bị xử lý kỷ luật bằng một trong các hình thức khiển trách, cảnh cáo, giáng chức.

+ Người đứng đầu Cơ quan kiểm soát TSTN, Tổ trưởng và thành viên Tổ xác minh TSTN có hành vi vi phạm trong việc tiếp nhận bản kê khai, quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu về kiểm soát TSTN, tiến hành xác minh, kết luận xác minh, công khai kết quả xác minh thì tùy theo tính chất, mức độ mà bị xử lý kỷ luật bằng một trong các hình thức khiển trách, cảnh cáo, giáng chức, cách chức.

+ Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân không thực hiện, thực hiện không đúng, không đầy đủ, không kịp thời yêu cầu của Cơ quan kiểm soát TSTN thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

+ Tất cả các hành vi vi phạm nêu trên nếu cấu thành tội phạm thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

VI. Các trường hợp cụ thể

Câu 1. Huyện tôi đang thực hiện quy trình bổ nhiệm đối với ông B, như vậy việc kê khai phục vụ công tác cán bộ sẽ thực hiện theo mẫu nào, thời kỳ kê khai tính từ ngày nào, hoàn thành bản kê khai khi nào?

Đáp: Bản kê khai phục vụ công tác cán bộ được áp dụng theo mẫu bản kê khai hằng năm, tựa đề bản kê khai phải ghi rõ “BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP PHỤC VỤ CÔNG TÁC CÁN BỘ”.

Thời kỳ kê khai tính từ mốc chốt số liệu của bản kê khai hằng năm/bổ sung gần nhất đến thời điểm kê khai phục vụ công tác cán bộ; trường hợp chưa có bản kê khai hằng năm/bổ sung thì tính từ mốc chốt số liệu của bản kê khai lần đầu.



Việc kê khai phải hoàn thành trước cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm theo quy trình công tác cán bộ.

Câu 2. Theo Phụ lục III ban hành tại Nghị định số 130/2020/NĐ-CP của Chính phủ, vị trí kế toán, thủ quỹ thuộc diện kê khai hằng năm. Như vậy, tôi là thủ quỹ tại Trường THCS X có phải kê khai hằng năm hay không?

Đáp: Căn cứ Điều 34 Luật PCTN 2018, đối tượng viên chức có nghĩa vụ kê khai chỉ áp dụng đối với người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý. Do anh/chị không thuộc đối tượng có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập nói chung, vì vậy không áp dụng theo Phụ lục III ban hành tại Nghị định số 130/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

Ngoài ra, anh/chị cần nhận thức Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ là phụ lục của 105 lĩnh vực, không phải phụ lục chức danh cụ thể; Phụ lục này **chỉ áp dụng cho người có chức vụ**, nếu không có chức vụ thì mặc định không cần đối chiếu phụ lục này.

Câu 3. Đề nghị hướng dẫn cụ thể hơn việc xác định chức vụ tương đương Phó Trưởng phòng trở lên; cụ thể các chức danh cán bộ, công chức cấp xã, phường phải kê khai hằng năm là chức danh nào?

Đáp: Đề nghị nghiên cứu quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, cụ thể về cơ cấu tổ chức của HĐND, UBND cấp xã và Kết luận số 35-KL/TW ngày 05/5/2022 của Ban Chấp hành Trung ương. Theo đó, cơ cấu tổ chức của UBND cấp xã không có cấp phòng, ban chuyên môn trực thuộc mà chỉ có các công chức cấp xã quản lý theo lĩnh vực. Những công chức này không có chức vụ, không có phụ cấp chức vụ do đó không thể xem là đối tượng “*Từ Phó Trưởng phòng hoặc tương đương trở lên*”; mà chỉ áp dụng cho Chủ tịch UBND cấp xã, Phó Chủ tịch UBND cấp xã.

Tại HĐND cấp xã, do đây cũng là cơ quan thuộc chính quyền địa phương nên các chức vụ Chủ tịch HĐND cấp xã, Phó Chủ tịch HĐND cấp xã cũng thuộc vị trí “*Từ Phó Trưởng phòng hoặc tương đương trở lên*” theo Kết luận số 35-KL/TW ngày 05/5/2022 của Ban Chấp hành Trung ương.

Câu 4. Tôi không có đất, nhà riêng mà đang ở chung với cha, mẹ, như vậy tôi có cần kê khai thửa đất, nhà của cha, mẹ hay không?

Đáp: Do quyền sử dụng thực tế đối với thửa đất, nhà vẫn là của cha mẹ anh/chị nên anh/chị không cần kê khai.

Câu 5. Tôi có góp tiền với một người bạn để mua một miếng đất, chúng tôi thống nhất để bạn tôi đứng tên trên Giấy CNQSDĐ. Như vậy tôi có phải kê khai thửa đất này vào bản kê khai không?

Đáp: Trên phương diện pháp lý, do thửa đất này được cấp cho bạn của người kê khai (*không phải cấp chung cho cả hai*), do đó không cần kê khai vào bản kê khai; tuy nhiên phải thể hiện việc hùn tiền mua đất tại mục Vốn góp và thể hiện chi tiết thông tin hùn tiền mua đất.

Câu 6. Tôi nợ ngân hàng 100 triệu để mua xe, nhưng do bản kê khai không có mục Nợ. Như vậy tôi phải khai số nợ ở đâu?



Đáp: Do bản kê khai không có mục Nợ nên không cần kê khai; tuy nhiên có thể thể hiện số tiền nợ trong phần giải trình nguồn gốc tiền mua xe.

Câu 7. Tôi vay của ngân hàng S số tiền 300 triệu đồng nên trong tài khoản ngân hàng tôi phát sinh tăng số tiền trên, như vậy tôi có phải kê khai số tiền này vào mục Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai hay không?

Đáp: Tiền vay về bản chất không phải là thu nhập, do đó anh/chị không cần kê khai vào mục Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai; tuy nhiên trường hợp tại thời điểm kê khai mà số tiền này vẫn còn thì anh/chị cần khai vào mục Tiền.

Câu 8. Tôi có mở một thẻ tín dụng tại ngân hàng X, hạn mức 50 triệu đồng. Tại thời điểm kê khai, số tiền hạn mức khả dụng của tôi là 50 triệu đồng, tôi có cần kê khai số tiền này vào mục Tiền hay không?

Đáp: Số tiền này là hạn mức tín dụng mà anh/chị được quyền sử dụng, chứ không phải số tiền hiện hữu nên không cần kê khai.

Câu 9. Đối với những tài sản là cây cảnh khó định giá thì phải kê khai như thế nào?

Đáp: Có hai trường hợp xảy ra:

- Trường hợp cây kiểng do bản thân người kê khai trồng và chăm sóc thì giá trị là tổng chi phí đã chi trả để hoàn thành việc trồng cây kiểng tại thời điểm trồng cây (tiền giống, tiền cây, tiền chậu, phân bón, thuốc, v.v).

- Trường hợp cây kiểng do mua về thì giá trị được tính là giá giao dịch thực tế.

Cả hai trường hợp nêu trên vẫn đảm bảo nguyên tắc kê khai theo loại tài sản mà tổng giá trị của loại tài sản đó từ 50 triệu đồng trở lên.

Câu 10. Vào kỳ kê khai lần trước, tôi có 01 căn nhà diện tích 50m², giá trị lúc xây dựng là 50 triệu đồng. Sang năm 2022, tôi đập bỏ căn nhà này để xây nhà mới có diện tích 150 m², giá trị xây dựng là 02 tỷ đồng. Như vậy tôi chỉ giải trình biến động tăng 01 căn nhà mới tại Phần III của bản kê khai là đầy đủ phải không?

Đáp: Cách giải trình biến động của anh/chị không đầy đủ; về bản chất tài sản, anh/chị đã giảm 01 căn nhà cũ (do đập bỏ) và tăng 01 căn nhà mới (xây mới), vì vậy anh/chị cần phải khai biến động giảm 01 căn nhà cũ, biến động tăng 01 căn nhà mới trong Phần III của bản kê khai.

Câu 11. Tôi là một công chức. Tôi phải kê khai tài sản, thu nhập lần đầu theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Tôi mới nhận chuyển nhượng một thửa đất ở nhưng mới chỉ thông qua thủ tục công chứng mà chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vậy tôi có phải kê khai tài sản này không? Giá trị kê khai được tính theo giá thực tế hay khung giá bất động sản của Nhà nước?

Đáp: Bạn phải kê khai tài sản này vào Bản kê khai lần đầu của mình vì cho dù đất đai là tài sản phải đăng ký quyền sử dụng và việc đăng ký quyền sử dụng đất chưa được thực hiện xong, nhưng việc bạn đã dùng một số tiền nhất định để



mua tài sản thì bạn phải kê khai để Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập được biết việc bạn có tài sản đó; giá trị kê khai sẽ là giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất và các khoản thuế, phí nếu có như phí trước bạ, phí công chứng, phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất... mà thực tế bạn đã phải bỏ ra để có được quyền sử dụng thửa đất này.

Câu 12. Chồng tôi đang công tác tại một đơn vị A và thuộc đối tượng kê khai tài sản thu nhập. Vừa qua, chồng tôi có yêu cầu tôi thông tin một số tài sản đứng tên cá nhân của tôi để thực hiện kê khai trong kỳ (số tài sản này được hình thành trước hôn nhân thuộc quyền sở hữu của tôi). Như vậy, thì tôi có cần phải cung cấp thông tin tài sản trước hôn nhân của tôi để chồng tôi thực hiện kê khai hay không?

Đáp: Theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật PCTN năm 2018 thì “*Người có nghĩa vụ kê khai phải kê khai tài sản, thu nhập và biến động về tài sản, thu nhập của mình, của vợ hoặc chồng, con chưa thành niên theo quy định của Luật này.*”; theo đó, người có nghĩa vụ kê khai phải kê khai tài sản, thu nhập của mình và của vợ hoặc chồng, không phân định tài sản được hình thành trước hoặc sau hôn nhân. Như vậy, bà cần phải cung cấp thông tin tài sản trước hôn nhân của bà để chồng bà thực hiện kê khai theo đúng quy định của pháp luật.

Câu 13. Qua quá trình được hướng dẫn kê khai thì phát hiện bản thân người kê khai thấy có thiếu sót cần được bổ sung. Vậy có được bổ sung lại bản kê khai tài sản, thu nhập đã nộp cho cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập không?

Đáp: Theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 38 Luật PCTN 2018 thì:

- Trong trường hợp các bản kê khai tài sản, thu nhập chưa bàn giao về Thanh tra tỉnh hoặc đã bàn giao nhưng đang trong thời hạn 20 ngày theo quy định tại khoản 3 Điều 38 Luật PCTN thì hướng dẫn cơ quan quản lý sử dụng cán bộ và người kê khai thực hiện việc kê khai bổ sung hoặc kê khai lại theo quy định tại khoản 2, Điều 38 Luật PCTN

- Trong trường hợp Thanh tra tỉnh đã tiếp nhận bản kê khai tài sản, thu nhập và đã qua thời hạn 20 ngày theo quy định tại khoản 3 Điều 38 của Luật PCTN thì vận dụng quy định tại Điều 7 Quy chế phối hợp giữa các Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập ban hành tại Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị để hướng dẫn người kê khai (bao gồm cả những người không phải là đảng viên) báo cáo cụ thể bằng văn bản về các nội dung kê khai không đúng mẫu, không đầy đủ và cam kết về tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng của nội dung báo cáo, gửi về cơ quan quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai và cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập.

- Trong cả hai trường hợp nêu trên, cơ quan quản lý sử dụng cán bộ đều phải thực hiện việc công khai những thông tin kê khai bổ sung, kê khai lại, báo cáo của người kê khai theo quy định về công khai bản kê khai tài sản, thu nhập (theo CT 33 và Luật PCTN).

Câu 14. Quyết định phê duyệt đối tượng kê khai tài sản thu nhập hàng năm của huyện trong năm 2021, 2022 vừa qua có trường hợp kê khai dư (Kế toán viên



tại đơn vị sự nghiệp), bị thiếu (Hiệu trưởng trường công lập) dẫn đến đối tượng không thuộc trường hợp kê khai thì lại kê khai và ngược lại đối tượng thuộc diện kê khai thì lại chưa kê khai thì hiện nay xử lý như thế nào cho đúng?

Đáp: Theo quy định của Luật PCTN không có hướng dẫn việc xử lý đối trường hợp kê khai dư, thiếu bản kê khai tài sản, thu nhập cho năm 2021 và 2022; tự hoàn thiện bổ sung, điều chỉnh các đối tượng thuộc diện phải kê khai tài sản thu nhập cho năm 2023 và các năm tiếp theo. Việc phê duyệt đối tượng kê khai thừa, thiếu, nộp thiếu bản kê khai tài sản, thu nhập của người kê khai do lỗi của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị đã thiếu trách nhiệm trong việc tổ chức kê khai, nộp bản kê khai, thì căn cứ khoản 1 Điều 21 Nghị định 130/NĐ-CP thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị sẽ bị xử lý kỷ luật bằng một trong các hình thức khiển trách, cảnh cáo, giáng chức. Ngoài ra, Kế toán viên tại đơn vị sự nghiệp công không thuộc diện phải kê khai, chỉ khi kế toán viên ở các đơn vị sự nghiệp phải là phó trưởng phòng trở lên mới là đối tượng kê khai hàng năm. Còn đối với kế toán là công chức ở các cơ quan hành chính Nhà nước là đối tượng kê khai hàng năm./.

Báo cáo viên: Phạm Hoàng Vân, TP Nghiệp vụ (0944.187.187)

